

Số : B/CV-RDP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016, nay Công ty Cổ Phần Rạng Đông Holding thông báo như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**
2. Mã chứng khoán: **RDP**
3. Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (+84 028) 39692272-39696642 Fax: (+84 028) 39692843
5. Loại công bố thông tin: Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Đắc Thiện.
7. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo thường niên năm 2019**
8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding vào ngày 24/04/2020 tại đường dẫn <http://rangdongholding.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bùi Đắc Thiện

Nơi nhận:

- Như nơi gửi;
- P.KSNB;
- Lưu.

Luôn Luôn Tốt Hơn

CÔNG TY CỔ PHẦN *Rạng đông*[®] HOLDING

Trụ sở : 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM, Việt Nam
Điện thoại : (84-28) 3969 2272 | **Fax** : (84-28) 3969 2843
Website : www.rangdongholding.com.vn
Tax : 0300384357



***Rạng đông*[®]**
Long An Plastic

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA *Rạng đông*[®] LONG AN
Lô H1, H2, H3, H4, H7, H8, H9; Đường số 8; KCN Tân
Đô, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, VN
ĐT: (84-272) 3777 800 - Fax: (84-272) 3777 310
Web: www.rdplastic.com.vn



***Rạng đông*[®]**
Healthcare

CÔNG TY CỔ PHẦN *Rạng đông*[®] HEALTHCARE
Lô G4, G5, G6, G7, G8; Đường số 8; KCN Tân Đô,
Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, VN
Tel: (84-272) 3777 800 - Fax: (84-272) 3777 310
Web: www.rdhealthcare.com.vn



***Rạng đông*[®]**
Films

CÔNG TY CỔ PHẦN *Rạng đông*[®] FILMS
63 Võ Văn Bích, X. Tân Thạnh Đông, H. Củ Chi, Tp. HCM, VN
ĐT: (84.28) 3797 8120 - Fax: (84-28) 3797 8119
Web: www.rangdongfilm.com.vn



***Rạng đông*[®]**
Trading

CÔNG TY CỔ PHẦN *Rạng đông*[®] TRADING
190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT: (84-28) 3969 2272 - Web: www.rangdongtrading.com.vn



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2019**

Hành trình **Phát Triển**



MỤC LỤC



01 THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT 02 - 03

02 TỔNG QUAN CÔNG TY

- Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 04 - 05
- Sự kiện nổi bật 06 - 07
- Giải thưởng đạt được 08 - 09
- Chứng chỉ hệ thống quản lý 10 - 11

04 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Thông tin cổ đông, cổ phần 40
- Quá trình tăng vốn điều lệ 41
- Giới thiệu HĐQT, Ban Lãnh Đạo 42 - 45
- Quản trị công ty 46 - 47
- Báo cáo hoạt động HĐQT 48 - 49



03 TÌNH HÌNH KINH DOANH

- Mô hình hoạt động 14 - 15
- Sơ đồ tổ chức 16 - 17
- Phân tích SWOT 18 - 19
- Kết quả kinh doanh 2019 20 - 21
- Các thông tin tài chính cơ bản 22 - 25
- Ngành nghề kinh doanh của công ty con 26 - 27
- Địa bàn kinh doanh- Kênh phân phối 28 - 29
- Tình hình sản xuất 30 - 31
- Các dự án đầu tư - Nghiên cứu phát triển 32 - 33
- Quản trị rủi ro 34 - 35
- Định hướng chiến lược phát triển 36 - 37



05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mô hình phát triển bền vững 50 - 53
- Tăng trưởng kinh tế 54 - 56
- Trách nhiệm xã hội 57 - 59
- Bảo vệ môi trường 60 - 61

06 B.CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 62 - 96

THÔNG TIN LIÊN HỆ 97

Rạng Đông



Ông HỒ ĐỨC LAM - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam

Hành trình **Phát Triển**



“60 năm - 1 hành trình” Chinh phục đỉnh cao mới với một tinh thần lạc quan, hăng hái, tin tưởng vào những chiến lược của lãnh đạo, niềm phấn chấn tự hào và những nỗ lực cống hiến không mệt mỏi của mỗi thành viên Rạng Đông

“60 năm - 1 hành trình” của những người mở đường dẫn lối cho hàng trăm, hàng ngàn đồng đội cùng hướng về phía trước vì một giá trị lớn lao.

“60 năm - 1 hành trình” biểu trưng cho khát vọng cháy bỏng và nhiệt huyết tràn đầy của mọi thành viên nỗ lực đưa thương hiệu Rạng Đông vượt sóng vươn mình ra thế giới, chinh phục những thành tựu mới, những đỉnh cao mới trên trường quốc tế.

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ Đông, Khách hàng & CBCNV

Năm 2019, chúng tôi vinh hạnh thông báo đến toàn thể Quý Cổ đông kết quả kinh doanh tốt đẹp:

- Doanh thu thuần đạt 2.002 tỷ đồng, đạt 99,9% so với kế hoạch đề ra;
- Lợi nhuận sau thuế 70 tỷ đồng, tăng 350% so với lợi nhuận năm 2018.

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ảnh hưởng dịch bệnh Covid kéo dài đến quý 2, căn cứ vào giá trị hợp đồng đã ký và phân tích SWOT một cách cẩn trọng, HĐQT đặt mục tiêu năm 2020: doanh thu 1.828 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 70,73 tỷ đồng.

Thưa Quý Cổ đông,

Thương hiệu Rạng Đông đã trở thành biểu tượng quốc gia và được các đối tác trong nước và quốc tế đặt trọn niềm tin. Để có được thành công trên, Rạng Đông đã thiết lập nền tảng cho sự phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột chính, tựa như kiềng ba chân đó là: hệ thống quản lý với những công cụ tiên tiến luôn được thay đổi phù hợp với tốc độ phát triển; mở rộng quan hệ hợp tác sâu rộng với các đối tác quốc tế; văn hóa doanh nghiệp độc đáo, sáng tạo ngày càng được hoàn thiện.

Đây là kết quả của sự đoàn kết, kiên trì và nỗ lực vượt bậc của toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV trong việc thực hiện Tuyên ngôn Giá trị của mình “Luôn Luôn Tốt Hơn”.

Hai năm qua, với những nỗ lực vượt bậc trong việc thực thi nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, Rạng Đông có những cột mốc đầy tự hào:

- Ký kết hợp tác chiến lược với Medline, trở thành đối tác lớn nhất trong lịch sử 6 thập kỷ phát triển. Rạng Đông Healthcare cung cấp hàng loạt sản phẩm y tế với giá trị cao và toàn diện hơn cho thị trường Mỹ.

- Triển khai xây dựng Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare tại khu công nghiệp Tân Đô, với diện tích 8.28 ha, tổng vốn đầu tư 850 tỉ VNĐ. Rạng Đông Healthcare trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế lớn nhất Việt Nam.

- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An hoàn thành công tác di dời máy móc, nâng cao năng lực sản xuất, vận hành thành công SAP-ERP trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất.

- Thị trường trọng điểm được mở rộng nhờ xây dựng chính sách bán hàng và phát triển chuỗi sản phẩm mới.

Bên cạnh thành quả đạt được, Rạng Đông gặp không ít thử thách trên con đường phát triển:

- Bối cảnh thị trường nguyên liệu hạt nhựa diễn biến phức tạp: giá nguyên liệu nhựa có 1 năm theo xu hướng downtrend, gây chi phí lớn cho Công ty khi duy trì chính sách tồn kho an toàn đảm bảo đủ nguyên liệu để sản xuất

- Công ty mới hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động nên các chi phí khấu hao, lãi vay tạo áp lực bài toán giá thành trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- Cạnh tranh không lành mạnh từ hàng tiểu ngạch của Trung Quốc, thị trường kinh doanh gặp khó khăn khi các đối tác truyền thống chưa hiểu rõ chiến lược phát triển bền vững của Rạng Đông. Trước bối cảnh đó, Ban Lãnh đạo và CBCNV nhất quán tư tưởng “biến áp lực thành động lực”, Rạng Đông chủ động đánh giá, xem xét toàn diện các hoạt động nhằm khắc phục triệt để những mặt còn yếu kém, hạn chế, tạo ra sự hợp lực lớn nhất từ các bên liên quan.

Năm 2020, HĐQT tiếp tục củng cố mô hình kinh doanh, kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế.

Trên hành trình “Mọi bước đi vì một giá trị” với những mục tiêu đầy thử thách, rất mong Quý Cổ đông tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi đạt được chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2020 - 2025, tiến thêm 1 bước cùng nhau khai phá tiềm năng mới trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh của công ty.

Kính chúc Quý Cổ đông cùng gia đình nhiều sức khỏe hạnh phúc và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Hồ Đức Lam

TẦM NHÌN

Rạng Đông Holding trở thành một Tập đoàn kinh doanh đa lĩnh vực mang tầm vóc quốc tế với ngành Nhựa là trọng tâm

SỨ MỆNH

- Đối với cộng đồng: Trách nhiệm trên từng sản phẩm CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG
- Đối với khách hàng, đối tác kinh doanh: Hợp tác cùng phát triển
- Đối với cán bộ công nhân viên: Ghi nhận đóng góp – Chia sẻ thành quả – Cơ hội thăng tiến
- Đối với cổ đông và nhà đầu tư: Tối ưu hóa lợi nhuận; đảm bảo tính công khai, minh bạch

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sáng tạo
- Chuyên nghiệp
- Chính trực
- Trách nhiệm
- Nhân tâm

GIỚI THIỆU CHUNG

Khát vọng vươn lên trở thành một tập đoàn hùng mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo của từng thành viên trong công ty, cung ứng những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại mỗi thành viên của công ty một điều kiện phát triển tài năng tốt nhất và một cuộc sống đầy đủ về vật chất lẫn phong phú về tinh thần.

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Rạng đông Holding	GCNĐKKD:	0 3 0 0 3 8 4 3 5 7
Tên tiếng Anh:	Rạng đông Holding Joint-Stock Co.	Trụ sở chính:	90 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM
Tên viết tắt:	RDP JSC.	Điện thoại:	(84-28) 3969 2272 – Fax: 3969 2843
Mã chứng khoán:	RDP	Website:	rangdongholding.com.vn
Vốn điều lệ:	373.367.160.000 VND	Email:	nhuarangdong@rdplastic.vn

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN															
Được thành lập với tên UFEOC (liên hiệp các xí nghiệp cao su Viễn Đông Pháp).	Chuyển thành Nhà Máy Nhựa Rạng đông trực thuộc Cty Công Nghệ Phẩm Bộ Công Nghiệp Nhẹ		Thành lập Nhà Máy Nhựa Hóc Môn Chuyên sản xuất bao bì	Thành lập Nhà Máy Nhựa 6	Xây dựng lại trụ sở chính tại 190 Lạc Long Quân, Q. 11, Tp. HCM		Xây dựng Nhà máy Nhựa Tiên Sơn tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh		Công ty CP Nhựa Rạng đông Long An đạt chứng nhận: ISO 9001 : 2015, ISO 22000 : 2018, ISO 14001 : 2015, FSSC 22000 & Smecta/SGGP		Bắt đầu xây dựng Công ty Cổ phần Rạng đông Healthcare				
Đầu thập niên 60	1963-1975	11/1977	1985	1993	1996	1999	2003	05/2005	2006	2009	2014	2015-2017	2018	01/2019	05/2019
Nhập khẩu máy cán, dây chuyền máy tráng đầu tiên từ Nhật và Đài Loan để sản xuất các loại giả da PVC, PU xốp, màng mỏng PVC, vải tráng PVC, PU vải dù chống thấm.		Đổi tên thành Công ty Nhựa Rạng đông		Thành lập chi nhánh Công ty tại Hà Nội		Nhận chứng chỉ ISO 9001-2000		Được cổ phần hóa và chính thức đi vào hoạt động với tên gọi Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng đông		Xây dựng Nhà Máy Bao Bì Củ Chi		Xây dựng & bắt đầu hoạt động Công ty Cổ phần Nhựa Rạng đông Long An		Thành lập Rạng đông Holding Thành lập Rạng đông Films Thành lập Rạng đông Healthcare Thành lập Trading Rạng đông Thành lập Rạng đông Agriculture Thành lập Rạng đông Land	

SỰ KIỆN NỔI BẬT 2019



LỄ KÝ KẾT



Ngày 29/08/2019, Công Ty CP Rạng Đông Healthcare và Công Ty Medline Industries, INC đã ký kết hợp tác toàn diện với mục tiêu "Sản xuất các sản phẩm phục vụ cho y tế mang tầm khu vực, tạo ra đòn bẩy cho ngành công nghiệp sản xuất nói riêng và sự phát triển của kinh tế nói chung."

Tham gia lễ ký kết có sự góp mặt của Ông Hồ Đức Lam – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding và MR Alen đại diện Công Ty Medline Industries, INC đã mở ra một tương lai vàng cho ngành công nghiệp sản xuất các thiết bị y tế tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding thành lập dự án Rạng Đông Healthcare với tổng đầu tư lên đến 50 triệu USD với tổng diện tích xây dựng nhà máy 8.3 hecta tại Long An. Công Ty Thiết bị y tế Medline Industries, INC là một trong những đơn vị phân phối toàn cầu các sản phẩm y tế, với các giải pháp, dịch vụ chuyên môn có trụ sở chính tại Hoa Kỳ nhằm phát triển các sản phẩm từ nhựa phục vụ ngành y tế như: Bao bì, túi zipper, màng PE và vải không dệt, sản phẩm ép đùn, ép phun, v.v. Với tiềm lực sẵn có, kết hợp với sự hỗ trợ từ nhà sản xuất sản phẩm y tế hàng đầu Hoa Kỳ, lễ ký kết giữa Công ty cổ phần Rạng Đông Healthcare và Công Ty Medline Industries, INC cam kết thực hiện những dự án quan trọng, góp phần tạo nên bước đột phá mạnh mẽ của Công Ty cổ phần Rạng Đông Holding nói riêng và trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam nói chung.

Trong không khí trang trọng của buổi lễ trao giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2019, Công Ty CP Nhựa Rạng Đông vinh dự đón nhận giải thưởng danh giá này.



LỄ KHỞI CÔNG **Rạng Đông®** Healthcare

Ngày 29/05/2019, tại Khu CN Tân Đô, Dự án đầu tiên của Rạng Đông về lĩnh vực y tế chính thức khởi công với tổng vốn đầu tư 50 triệu USD. Với diện tích 8,3 ha lớn thứ 2 trong cả nước.

Phát biểu tại sự kiện, Ông Hồ Đức Lam – Chủ tịch HĐQT Công ty Rạng Đông Holdings đánh giá cao tiềm năng phát triển ngành y tế, đồng thời nhấn mạnh: "Công trình Rạng Đông HealthCare sẽ hoàn thành việc xây dựng, và đi vào hoạt động với một số hạng mục sản xuất vào 6/2020. Dự án định hướng xây dựng nơi đây trở thành Nhà máy sản xuất các sản phẩm phục vụ cho ngành Y TẾ, đạt chuẩn 13485, được FDA chứng nhận (do cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ cấp).



HTV - CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08.2019, đài truyền hình HTV đã có một buổi phỏng vấn và ghi hình tại Rạng Đông Holding về vấn đề nhựa tái chế tại Việt Nam.

Ông Hồ Đức Lam - CT HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding, kiêm Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ VI có chia sẻ: Ngành nhựa là một trong những ngành năng động và tăng trưởng cao nhất nước. Tận dụng nhựa phế liệu từ nhập khẩu để tái sinh, đưa vào sản xuất sản phẩm, kéo dài vòng đời của nguyên liệu nhựa để đem lại hiệu quả về mặt kinh tế luôn là mục tiêu hướng đến ở các quốc gia, ngay cả các quốc gia Mỹ và EU. Vì thế, phát triển nền công nghiệp tái chế tiên tiến cho ngành nhựa trên nền tảng không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế có ý nghĩa cấp thiết.



CHƯƠNG TRÌNH TƯ VẤN “CẢI TIẾN NĂNG SUẤT & CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC” DO BỘ CÔNG THƯƠNG TỔ CHỨC CÙNG VỚI TẬP ĐOÀN SAMSUNG,

Cải tiến chất lượng – Chìa khóa để thành công

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An vinh dự được tham dự “Chương Trình Tư Vấn Cải Tiến Năng Suất & Chất Lượng Môi Trường Làm Việc” do Bộ Công Thương tổ chức cùng với tập đoàn Samsung, triển khai trong 3 tháng. Mục tiêu của Chương trình Cải Tiến là tạo bước chuyển biến về năng suất chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý, nâng cao tay nghề của người lao động. Để tinh thần cải tiến đạt kết quả tốt nhất, tập thể ban lãnh đạo cam kết QUYẾT TÂM CẢI TIẾN LIÊN TỤC, không ngừng làm tốt hơn.



CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC



12
năm liên tiếp
ĐẠT DANH HIỆU **Vietnam Value**
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



22
năm liên tiếp
ĐẠT DANH HIỆU
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



5
TOP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT



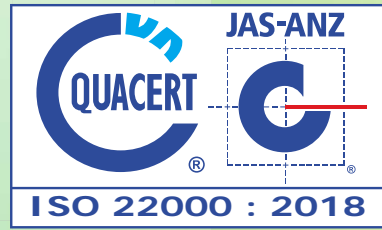
15
năm liên tiếp
ĐẠT DANH HIỆU
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



2 lần liên tiếp ĐẠT DANH HIỆU
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP &
CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TIÊU BIỂU
TP. HỒ CHÍ MINH



HỆ THỐNG QUẢN LÝ ISO, FSSC 22000



Vào đầu tháng 01/2019 Công ty cổ phần nhựa Rạng Đông Long An tiếp tục đón nhận thêm chứng nhận ISO 22000 : 2018 (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm - Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi an toàn thực phẩm) sau 05 tháng tập trung nguồn lực xây dựng. Thực tế đây là một chứng chỉ rất uy tín, có nhiều yêu cầu khắt khe bắt buộc tuân thủ trong quản lý sản xuất các sản phẩm liên quan đến an toàn thực phẩm còn ít công ty tại Việt Nam đạt được. Bằng cách tiếp cận dựa trên rủi ro đã biến tiêu chuẩn này thành một công cụ quản lý giúp các Doanh Nghiệp kiểm soát & phòng ngừa tối đa các rủi ro về An toàn thực phẩm - Tạo lòng tin rất lớn cho khách hàng tiêu dùng.

Với tư cách là nhà sản xuất các sản phẩm bao bì an toàn thực phẩm, cần tuân thủ tuyệt đối các quy tắc quản lý chất lượng từ nguyên liệu đầu vào tới khâu sản phẩm đầu ra, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An tự hào là những đơn vị đi đầu trong việc xây dựng áp dụng đạt chứng nhận ISO 22000: 2018. Đây cũng là một bước đột phá mạnh mẽ, khẳng định vị thế của Công ty cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An trên thị trường trong nước & quốc tế.

Chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm /được tài trợ bởi CIAA /Hiệp hội ngành đồ uống và thực phẩm của EU) do tổ chức đánh giá chứng nhận Quốc tế SGS cấp. Đây thực sự là một bước tiến xa & đột phá mạnh mẽ nhất trong công tác quản trị chất lượng an toàn thực phẩm đối với các doanh nghiệp sản xuất bao bì tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 là một trong những tiêu chuẩn phát triển về sản xuất bao bì an toàn thực phẩm theo chuẩn quốc tế với các yêu cầu cao nhất, khắt khe nhất về cả Hệ thống quản lý phần mềm & Cơ sở vật chất nhà xưởng, máy móc thiết bị phần cứng cùng với nhiều yêu cầu về con người & môi trường làm việc.

Lợi ích của việc áp dụng ISO 22000:2018 & FSSC 22000 V4.1:

- Doanh nghiệp tuân thủ đúng theo yêu cầu pháp luật.
- Đảm bảo An toàn thực phẩm cho người tiêu dùng khi sử dụng.
- Giúp doanh nghiệp nhận diện và kiểm soát được mối nguy về an toàn thực phẩm.
- Giảm thiểu chi phí tái chế và huỷ bỏ sản phẩm.
- Nâng cao sự thoả mãn của khách hàng.
- Trao đổi thông tin có hiệu quả với các bên liên quan về các vấn đề an toàn thực phẩm.
- Nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh.
- Tăng cơ hội xuất khẩu, thâm nhập thị trường thế giới.
- Giảm tần suất kiểm tra của các cơ quan chức năng.
- Cải thiện mối quan hệ tốt cả 3 bên : Doanh nghiệp, Nhà nước, Người tiêu dùng.

Công ty thiết lập một Hệ thống quản lý môi trường - Các yêu cầu & hướng dẫn sử dụng để đảm bảo quản lý môi trường công ty (rác thải, nước thải, khí thải, PCCC,... toàn công ty) an toàn, xanh sạch đẹp tuân thủ đầy đủ các luật định Việt Nam & quốc tế.

B). Lợi ích của việc áp dụng ISO 14001: 2015.

- Thể hiện phù hợp với các yêu cầu luật định ở hiện tại và tương lai, Tuân thủ các quy định về môi trường ở từng nước.
- Tăng sự tham gia của lãnh đạo và nhân viên vào quản lý môi trường
- Tiết kiệm chi phí về rác thải, tái chế và tiêu thụ.
- Tạo ưu thế hơn các đối thủ khi thầu các dự án kinh doanh mới
- Quản lý các mối nguy về môi trường.
- Chứng minh rằng DN của bạn là một tổ chức có trách nhiệm với tương lai
- Giúp nhân viên nhận thức tốt hơn rằng họ đang làm việc trong một tổ chức thân thiện với môi trường.
- Nâng cao uy tín của công ty và sự tin tưởng của các bên liên quan thông qua các chiến lược truyền thông.
- Đạt được mục tiêu chiến lược kinh doanh bằng cách kết hợp các vấn đề môi trường vào quản lý kinh doanh.
- Cung cấp một lợi thế về tài chính và lợi thế cạnh tranh thông qua hiệu quả cải tiến và giảm chi phí.
- Khuyến khích các hoạt động môi trường tốt hơn bằng cách tích hợp chúng vào hệ thống kinh doanh của tổ chức.

Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 từ khách hàng & là đối tác chiến lược tập đoàn MEDLINE (Mỹ).

Lợi ích của việc áp dụng ISO 13485

- Thỏa mãn khách hàng – thông qua giao hàng đáp ứng các yêu cầu một cách ổn định cũng như chất lượng, an toàn và các yêu cầu pháp lý;
- Các chi phí vận hành được cắt giảm – thông qua các quá trình cải tiến liên tục và hiệu quả vận hành tốt;
- Mối quan hệ với các nhà đầu tư được cải thiện – bao gồm nhân viên, các khách hàng và nhà cung cấp;
- Phù hợp luật pháp- thông qua việc thấu hiểu các yêu cầu và quy định pháp lý ảnh hưởng như thế nào đến tổ chức và khách hàng của họ;
- Quản lý rủi ro được cải thiện – thông qua nhất quán nhiều hơn và nguồn gốc của sản phẩm và các dịch vụ;
- Khả năng của doanh nghiệp được chứng minh – thông qua việc thẩm tra độc lập dựa trên các tiêu chuẩn công nghiệp được công nhận toàn cầu;
- Khả năng tranh thủ cao hơn các doanh nghiệp – đặc biệt những nơi mà các đặc tính kỹ thuật yêu cầu chứng nhận như một điều kiện để cung ứng;



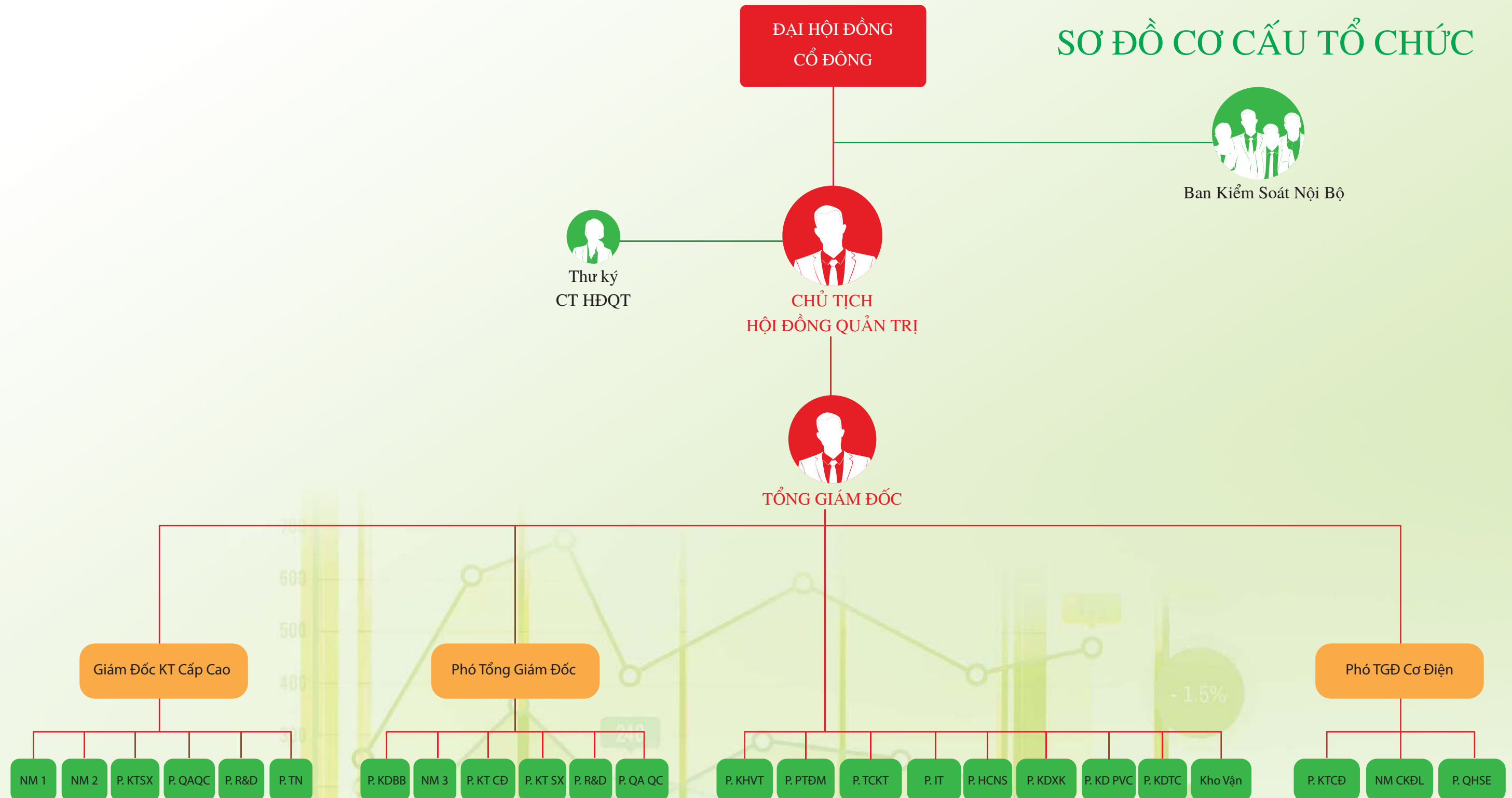
TÌNH HÌNH KINH DOANH



Tháng 12.2018, HĐQT thông qua việc chuyển đổi hình thức hoạt động theo mô hình Holding. Công ty Rạng Đông Holding giữ vai trò đầu tư vốn và hỗ trợ quản lý cho các đơn vị thành viên. Các thành viên hoạt động độc lập, tự chủ nhằm nâng cao sức cạnh tranh, minh bạch của hệ thống, nhằm tối ưu hóa, chuyên nghiệp hóa, giảm thiểu rủi ro hoạt động của đơn vị các thành viên

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Loại hình	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Rạng đông® Long An Plastic	Lô H1-H9, đường số 8, KCN Tân Đông, H. Đức Hòa, T. Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C.ty thành viên	250	65%
Rạng đông® Films	63 Võ Văn Bích, X. Tân Thạnh Đông, H. Củ Chi, TP. HCM	Sản xuất màng nhựa, màng thổi	C.ty thành viên	180	99,9%
Rạng đông® Trading	190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, TP. HCM	KD nguyên liệu nhựa & các sản phẩm nhựa	C.ty thành viên	60	51%
Rạng đông® Healthcare	Lô G4-G8, đường số 8, KNC Tân Đông, H.Đức Hòa, T. Long An	SX sản phẩm nhựa phục vụ cho y tế	C.ty thành viên	100	30%
SONG DŨNG	190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, TP. HCM	Vận chuyển	C.ty thành viên	10	51%

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC





ĐIỂM MẠNH

- Là thương hiệu lâu đời và uy tín trong ngành nhựa Việt Nam với bề dày kinh nghiệm sản xuất 60 năm.
- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An đi vào hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế sẽ đẩy mạnh chất lượng sản phẩm & gia tăng năng suất, sản lượng.
- Thiết lập mô hình quản lý tập đoàn để thúc đẩy chuyên môn hóa từng chức năng như lĩnh vực đầu tư tài chính, lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực kinh doanh thương mại, vận chuyển, kho bãi..
- Năm 2018 - 2019, Công ty đã vượt qua những kiểm định khắt khe của các tổ chức kiểm định để đạt được những chứng chỉ quản lý chất lượng như ISO 9001 Quacert, ISO 22.000 Quacert, SMECTA và đặc biệt chứng chỉ FSSC 22.000, một trong những tiêu chuẩn khắt khe nhất đối với ngành bao bì thực phẩm, tạo tiền đề cho nhóm ngành bao bì phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước có tiêu chuẩn cao như: Nhật, Hàn, Châu Âu, Bắc Mỹ...
- Công nghệ được đầu tư và cải tiến. Nâng cao chính sách lao động giúp công ty đứng ở vị trí tiên phong trong ngành, kịp thời tiếp thu, ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến của thế giới.
- Chính sách chất lượng được công bố minh bạch, cam kết chịu trách nhiệm với mỗi đơn hàng giao cho đối tác.
- Chính sách bán hàng đến đại lý rõ ràng, công bằng, nhờ đó công ty đã xây dựng được hệ thống đại lý trung thành và gắn bó lâu năm với Công ty.
- Chính sách đầu tư hạ tầng thông tin Quản lý hệ thống nguồn lực SAP-ERP

ĐIỂM YẾU

- 80% nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành nhựa nhập từ nước ngoài, nên chịu ảnh hưởng các yếu tố đầu vào như: tỷ giá ngoại tệ, biến động giá nguyên liệu, chính sách thuế nhập khẩu,...
- Chi phí sản xuất còn cao do đầu tư máy móc thiết bị hiện đại.
- Thị trường xuất khẩu phát triển chưa đúng kỳ vọng.

CƠ HỘI

- 2019 GDP Việt Nam tăng 7,02% . Trong đó, tăng trưởng chính ở lĩnh vực chế biến, sản xuất là cơ hội cho ngành bao bì phát triển.
- Kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm 2019
- Các sản phẩm công ty như: Bao bì, giả da, màng nhựa mỏng ... là những sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thiết yếu cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác, đóng góp vào việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Điều kiện quan trọng để công ty phát triển nhanh và mạnh hơn trong những năm sắp tới là liên tục nghiên cứu, thử nghiệm dòng sản phẩm mới nhằm đa dạng hoá ngành hàng.
- Hoạt động liên kết thương mại và xuất khẩu được đẩy mạnh với mục tiêu tăng 40%/năm. Đặc biệt, công ty thâm nhập được các thị trường khó tính: Mỹ, Nhật, Châu Âu... mở ra cơ hội xuất khẩu sang nhiều thị trường tiềm năng khác.

THÁCH THỨC

- Nền kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, các chính sách mở cửa thông thương với các nước là điều kiện hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, nguồn hàng Trung Quốc giá rẻ, hàng nhái tràn vào thị trường tạo sự cạnh tranh vô cùng khốc liệt.
- Thị trường bao bì nhựa còn nhiều tiềm năng nhưng đã phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trong các doanh nghiệp đầu ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn FDI như Tân Tiến, Hutamaki, Batco, v.v
- Chính sách điều hành tỷ giá của nền kinh tế vĩ mô ưu tiên xuất khẩu ảnh hưởng bất lợi đến các doanh nghiệp có tỷ trọng nhập khẩu lớn (về nguyên liệu, thiết bị, công nghệ).
- Ngành công nghiệp dệt, nhuộm VN không đầu tư phát triển, gây khó khăn cho nguồn nguyên phụ liệu đầu vào ngành Giả Da.

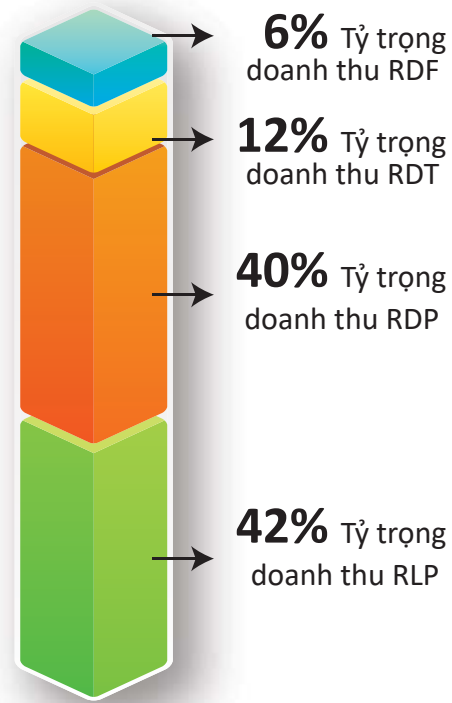
KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT

Năm 2019, tình hình hoạt động của công ty có nhiều khởi sắc khi công ty bước đầu hoạt động thành công mô hình Holding.

Các công ty thành viên: Rạng Đông Long An, Rạng Đông Films, Rạng Đông Trading đã phát huy được lợi thế kinh doanh khi hoạt động độc lập, doanh số tăng trưởng, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận được đề ra

Doanh số tập đoàn tăng trưởng 28,3% so với 2018, lợi nhuận sau thuế tăng 473% so với năm 2018, trong đó:

- Doanh thu từ công ty Rạng Đông Long An và hoạt động thương mại Rạng Đông Holding chiếm tỉ trọng lớn
- Rạng Đông Trading đóng góp 12% tỷ trọng doanh thu của tập đoàn, nguyên nhân năm vừa qua, thị trường nguyên liệu hạt nhựa diễn biến phức tạp, ảnh hưởng chính sách bán hàng, công ty duy trì chi phí tồn kho để đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất Rạng Đông Long An và Rạng Đông Films.



DOANH THU THUẦN

2.002 TỶ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN

2.271 TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN

70 TỶ VNĐ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

653 TỶ VNĐ

Rạng đông®
Long An Plastic

65%

Rạng đông®
Trading

51%

Rạng đông®
Films

99,9%

Tỷ lệ vốn góp các công ty thành viên

Rạng đông®
Long An Plastic

CÁC SP CHỦ LỰC

màng nhựa, giả da, bao bì mềm, áo mưa, sp khác...

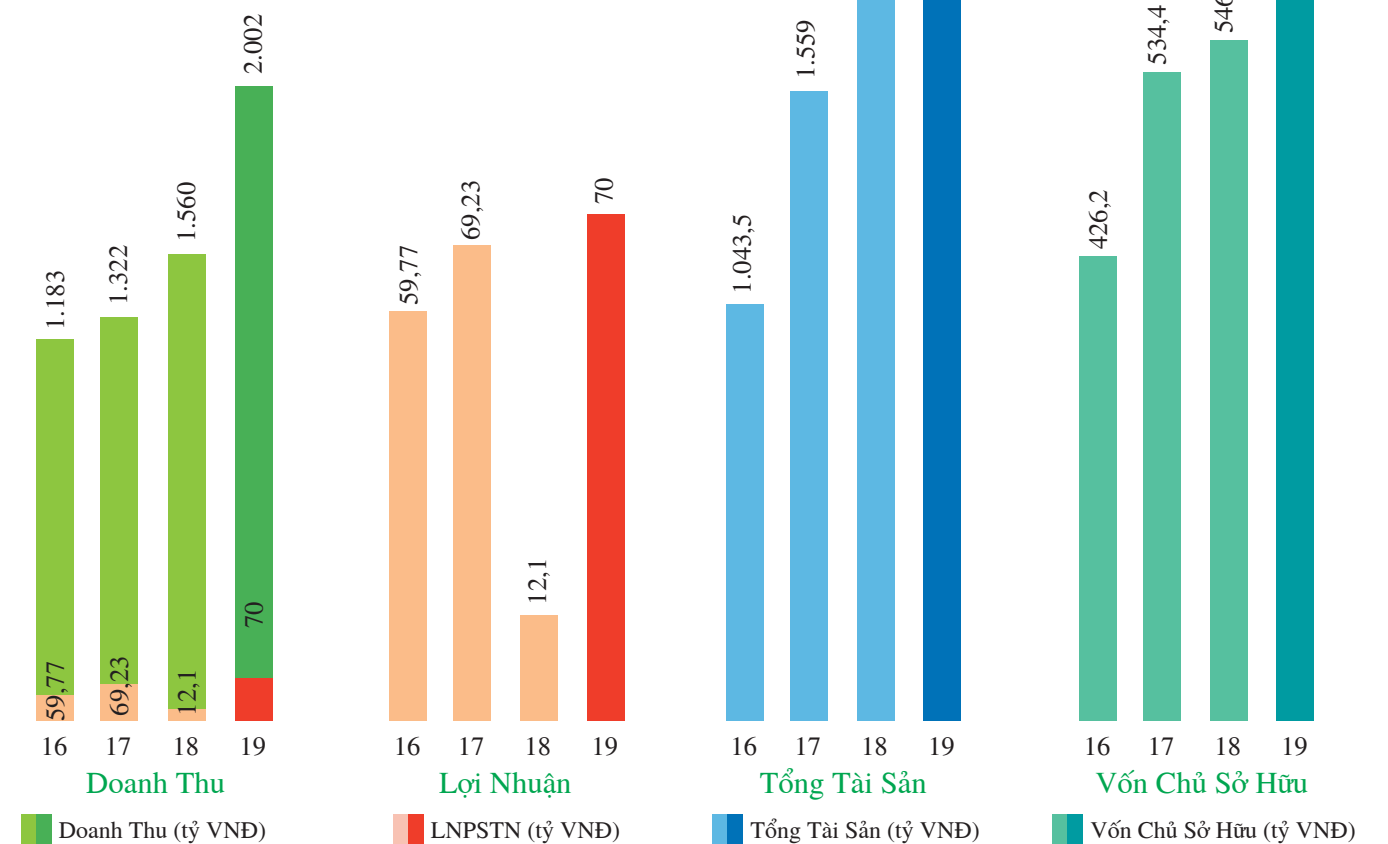
Rạng đông®
Trading

KD nguyên liệu nhựa & các sản phẩm nhựa

Rạng đông®
Films

CÁC SP CHỦ LỰC

Sản xuất màng thổi, màng nhựa PE, PVC...



CÁC THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2018-2019

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 (đồng)	Năm 2018 (đồng)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.002.989.144.053	1.560.702.567.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	11.535.226.126	8.773.381.403
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.991.453.917.927	1.551.929.185.968
4. Giá vốn hàng bán	11	1.707.704.413.639	1.412.105.646.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	283.749.504.288	139.823.539.354
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.150.096.070	2.835.539.245
7. Chi phí tài chính	22	86.311.568.363	46.998.340.992
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	85.546.828.186	46.935.268.951
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	1.978.253.518	85.926.752
9. Chi phí bán hàng	25	39.165.713.693	35.826.247.418
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.895.859.044	45.901.298.271
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	84.548.205.740	14.019.118.670
12. Thu nhập khác	31	11.441.480.083	9.776.967.163
13. Chi phí khác	32	11.499.052.338	620.227.559
14. Lợi nhuận khác	40	(57.572.255)	9.156.739.604
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	84.490.633.485	23.175.858.274
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18.371.002.335	5.751.258.452
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	3.972.523.929	5.328.862.051
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	70.092.155.079	12.095.737.771
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	43.244.598.222	23.103.890.829
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	26.847.556.857	11.008.153.058
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.158	790

Các Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,1	1,04	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,74	0,64	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	71	69,16	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	248	224,31	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
- Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,61	4,74	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,88	0,87	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,5	0,78	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,73	2,57	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,09	0,68	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,25	0,9	

STT	Các Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	% thực hiện
1	Doanh thu	tỷ đồng	2.002	2.004	99,9%
2	Chi phí	tỷ đồng	1.909	1.936	98,61%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	84,54	67,4	125,4%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	84,49	67,41	125,3%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	70	55,174	126,8%

STT	Các Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	tăng/giảm	% tăng/giảm
1	Doanh thu	tỷ đồng	2.002	1.828	-174	-8,69%
2	Chi phí	tỷ đồng	1.909	1.740	-169	-8,85%
3	L.nhuận từ HĐ k.doanh	tỷ đồng	84,54	89,15	4,61	5,45%
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	84,49	89,32	4,83	5,71%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	70	70	0	0%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018-2019

1. TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản năm 2019 tăng 28,16% tương ứng tăng 499 tỷ với các chỉ tiêu chính như sau:

- Hàng tồn kho tăng 87 tỷ, tương ứng tăng 35,7% so với năm 2018.
- Tài sản cố định tăng 98 tỷ, tương ứng tăng 12,8% so với năm 2018 chủ yếu từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare.
- Các khoản phải thu tăng 320 tỷ, tương ứng tăng 71,2% so với năm 2018.



2. KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2018, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,64 lên 0,74 – tức là một đồng nợ ngắn hạn thì có 0,74 đồng tiền mặt có thể thanh toán cho nhà cung cấp. Về khả năng thanh toán ngắn hạn thì hệ số tăng từ 104 lên 110 – tức là một đồng nợ ngắn hạn có 110 đồng tài sản có tính thanh khoản cao.

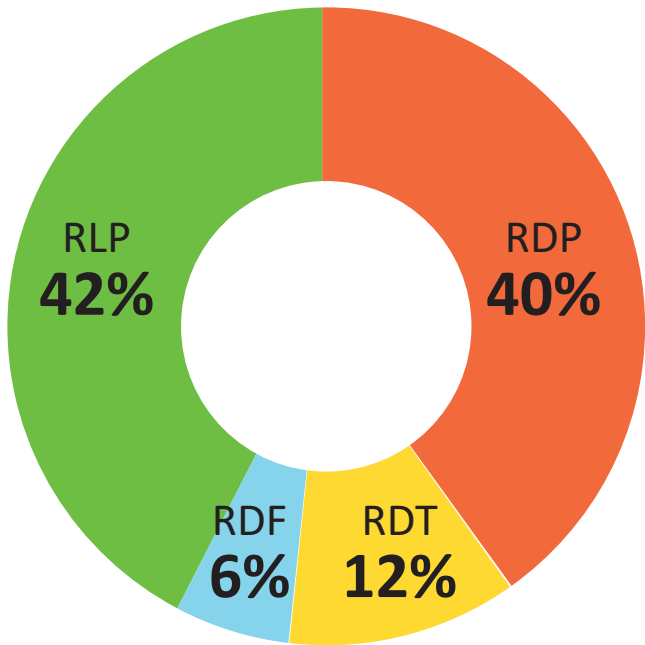
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	2019	2018
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,1	1,04
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,74	0,64

3. KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/	2019	2018	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,5	0,78	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,73	2,57	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,09	0,68	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,25	0,9	

4. NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	2019	2018	Ghi chú
+ Vòng quay hàng tồn kho			
- Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,61	4,74	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,88	0,87	



Tỷ trọng doanh thu các công ty

Năm 2019 Công ty đạt doanh thu 2.002 tỷ, tăng trưởng 28,3% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt được 70 tỷ đồng,

Để đạt được kết quả 99,9% kế hoạch đề ra, công ty tập trung giải quyết những khó khăn

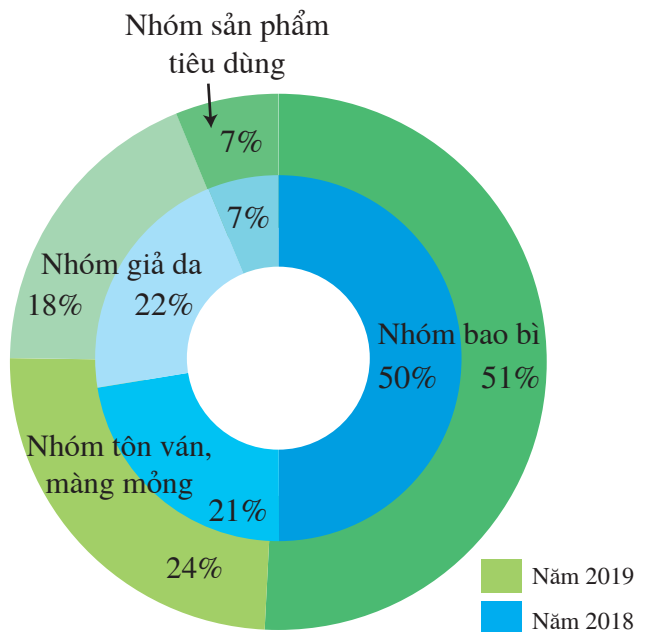
- Hoàn thiện các dự án còn tồn đọng
- Nguồn lao động mới được đào tạo, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm ổn định và đồng nhất
- Ứng dụng công nghệ quản lý nhân sự vào tất cả hoạt động của công ty.

Với những nền tảng vững mạnh được tích lũy qua 60 năm phát triển, Rạng Đông Holding tiếp tục khẳng định vị thế qua chiến lược phát triển bền vững:

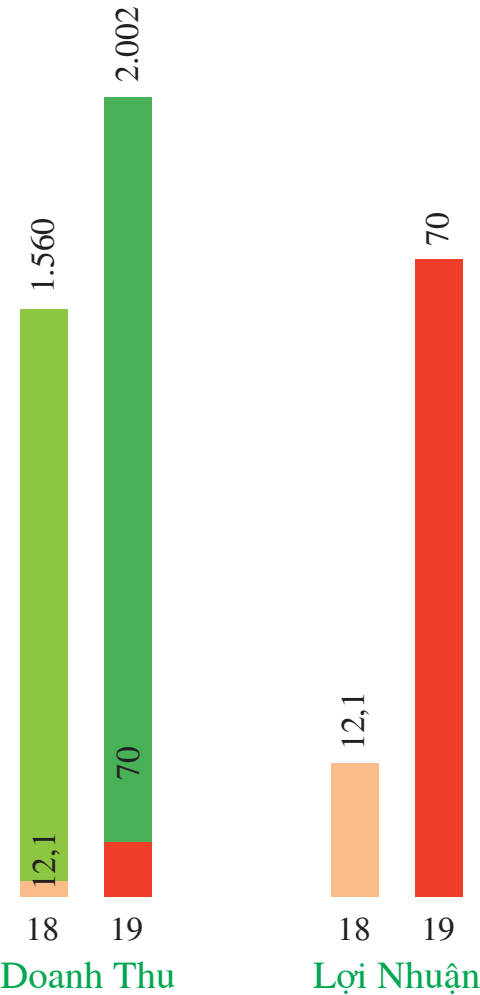
- Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare trở thành đối tác chiến lược của Medline - tập đoàn chăm sóc sức khỏe của Mỹ. Thiết lập thị trường kinh doanh lĩnh vực Y tế, từ đó mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Năm 2019, tổng giá trị đầu tư trang thiết bị máy móc, phục vụ cho sản xuất đạt 175,58 tỷ.

- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp từng đối tác.



Tỷ trọng doanh thu công ty RLP



Rạng đông®
Long An Plastic



Rạng đông
Healthcare



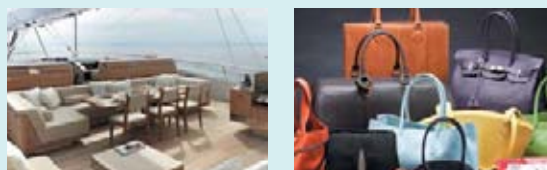
Rạng đông®
Films



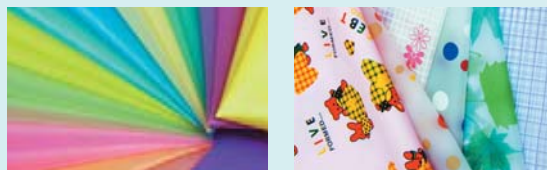
Rạng đông®
Trading



Bao bì phức hợp, PE /PVC co in và không in



Giả da: du thuyền, sofa, túi xách, giày dép, bóng chày...



Màng mỏng: PE, PVC, EVA...



Tôn ván



Tiêu dùng: áo mưa, dù, túi laptop, áo đánh golf...



Màng PE, PVC co



Túi zipper



Màng cao phân tử



Màng bọc thực phẩm



Màng quần cỏ



Màng Nông Nghiệp



Stretch Hood, Stretch Films



Hạt nhựa nguyên sinh



Dầu DO



Hạt nhựa tái sinh



Hạt nhựa PVC compound



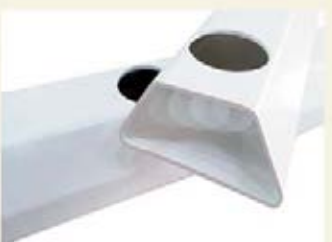
Ống luồn dây điện tròn cứng



Ống luồn dây điện đàn hồi



Băng keo cách điện



Ống nhựa thủy canh

KÊNH PHÂN PHỐI



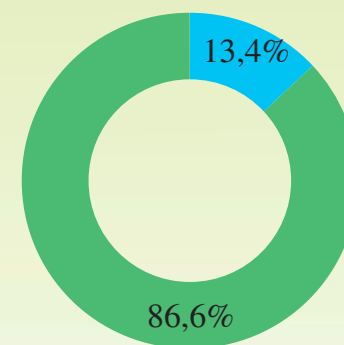
Các nước chủ lực của công ty xuất khẩu đến như: Nhật, Hàn Quốc, Đức, Hà Lan, Mỹ, Canada, Asean và các nước châu Phi,...

Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối sâu rộng, lớn nhất cả nước, và các đối tác là tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Tính đến thời điểm 31/12/2019, địa bàn kinh doanh và kênh phân phối có các đặc điểm nổi bật như sau:

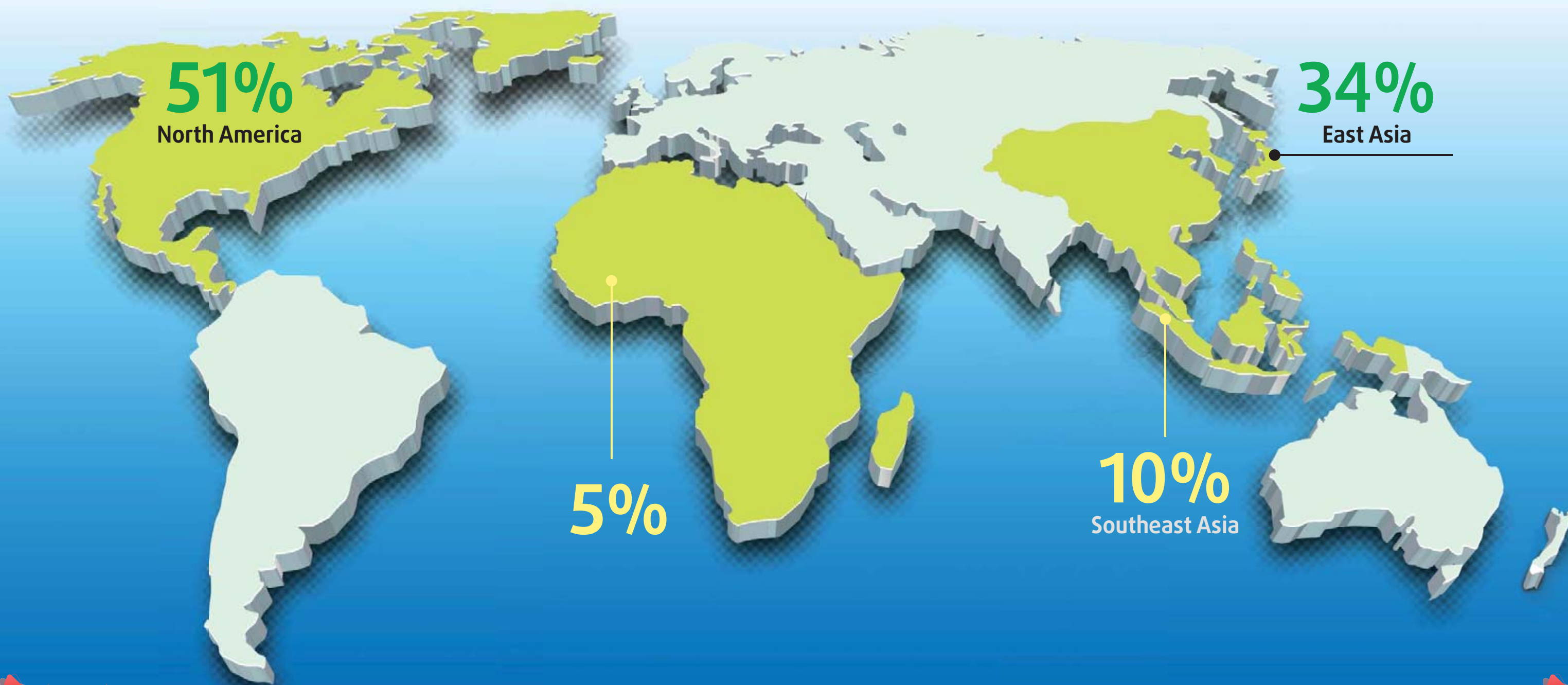
>80 khách hàng trong và ngoài nước
(hơn một nửa là khách hàng thân thiết)

50 tỉnh thành trong cả nước có hệ thống đại lý, cửa hàng, nhà phân phối

162 siêu thị, chuỗi cửa hàng trên toàn quốc:



Tỷ trọng doanh thu trong nước & nước ngoài
■ DT nước ngoài
■ DT trong nước



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

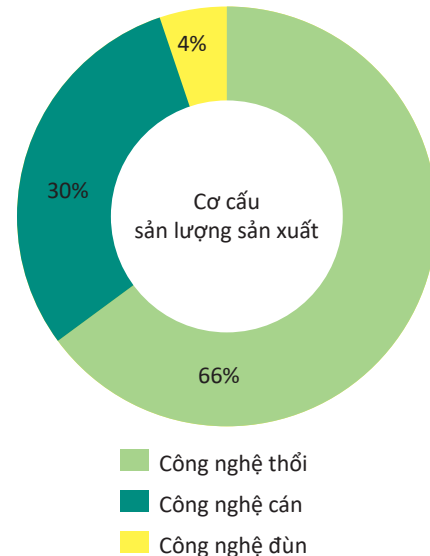
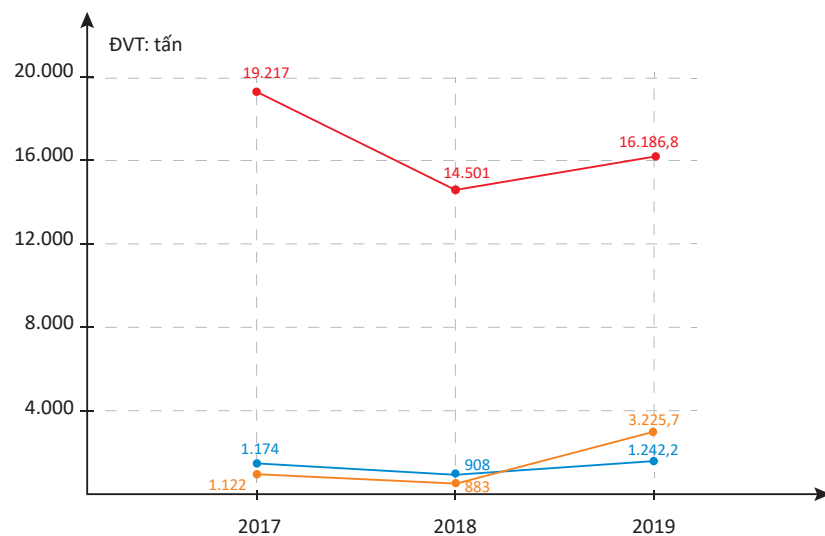
Trong năm 2019, năng suất trung bình toàn NM tăng 104,5%:

- NM thực hiện tái định biên lại lao động theo hướng chuyên môn hóa từng công việc, năng suất lao động tăng
- Xây dựng thành công chương trình Pro – 3M: Phương pháp quản lý 5S, MMTB tiên tiến từ tập đoàn SAMSUNG.
- Sau thời gian di dời máy móc, các nhà máy đi vào giai đoạn ổn định sản xuất, nâng cao năng suất lao động.



a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng

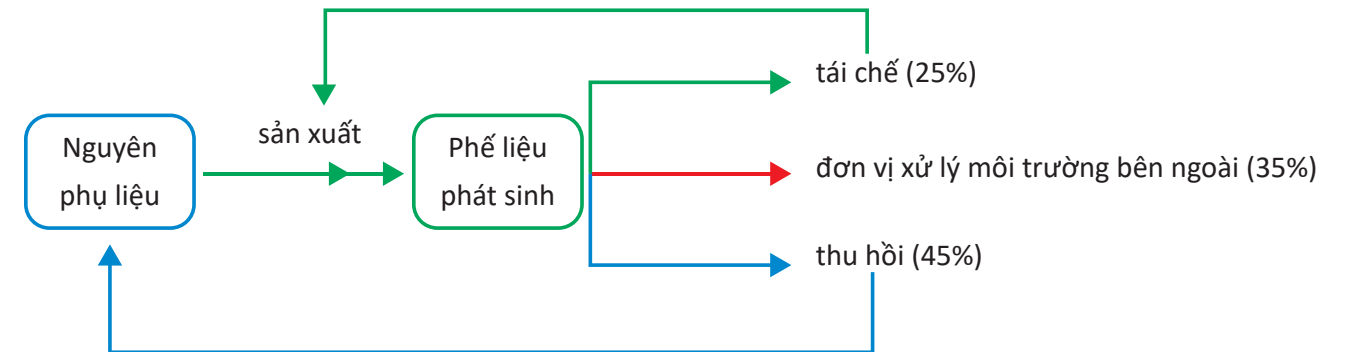
STT	Nguyên vật liệu	Số lượng 2019 (tấn)	Số lượng 2018 (tấn)	Mức tăng/ giảm (%)
1	Nguyên liệu chính	16.186,8	14.501,32	+111,6%
2	Phụ gia	1.242,2	908,62	+136,7%
3	Phụ liệu	26,7	11,58	+230%
4	Màng nhựa, giấy	3.225,7	883,75	+365%



HOẠT ĐỘNG TÁI SẢN XUẤT NGUỒN NGUYÊN LIỆU TẠI CHỖ

Tái sử dụng nguồn liệu tại chỗ là mục tiêu trọng tâm của hành động bảo vệ môi trường và tiết giảm chi phí trong sản xuất. Hiểu được tầm quan trọng trên, công ty đã áp dụng mô hình 3B trong sản xuất

- Bước 1: Quay vòng tái chế 25% tổng phế liệu phát sinh
- Bước 2: Thu hồi những phế liệu có thể sử dụng lại trong sản xuất
- Bước 3: Chuyển những phế liệu, dung môi khó xử lý cho đơn vị xử lý môi trường bên ngoài



STT	Nguyên vật liệu	Số lượng tái chế 2019	Số lượng tái chế 2018	Ghi chú
1	Khu vực thổi PE	134%	164%	-30%
2	Khu vực cán Màng mỏng	193%	188%	+5%
3	Khu vực giả da cán	79%	68%	+11%
4	Khu vực Tôn ván nhựa	180%	107%	+73%
5	Khu vực màng PE, EVA	288%	134%	+154%

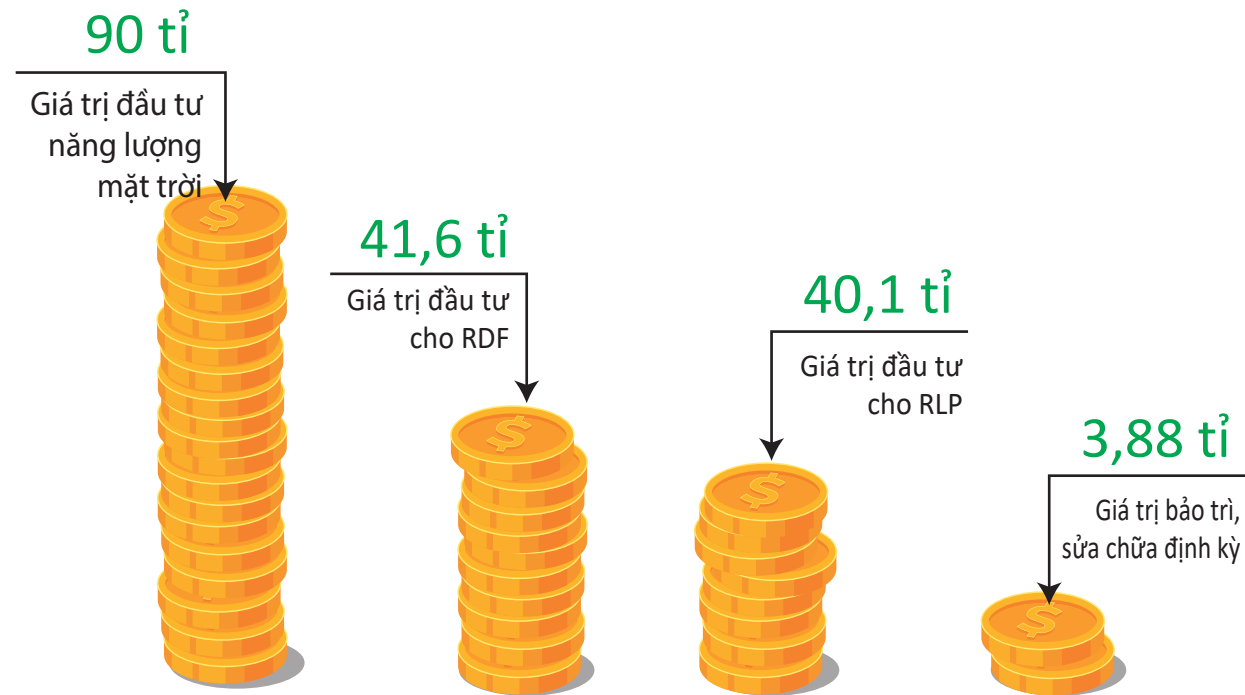
TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2019 về việc tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường của Công ty đã thực hiện:

1. Cải tạo xong hệ thống xử lý nước thải
2. Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 6 tháng/ 1 lần
3. Báo cáo xả thải định kỳ 1 quý/ lần
4. Báo cáo khai thác nước 1 tháng/ lần
5. Khai phí bảo vệ môi trường quý/ lần
6. Đo kiểm môi trường lao động hàng năm (Đo tiếng ồn, không khí xung quanh, ánh sáng...).

Tất cả các chỉ tiêu đều đạt, không vi phạm luật pháp và quy định về môi trường.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Trong năm 2019, cty thực hiện hơn 25 dự án đầu tư máy móc thiết bị cho khối sản xuất, kỹ thuật và thực hiện các bảo trì sửa chữa định kỳ hàng năm với tổng mức đầu tư khoản 175,58 tỷ đồng.

Các dự án được lập kế hoạch từ đầu năm, trước khi thực hiện sẽ được phân tích, đánh giá đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và phân bổ các nguồn lực, dòng tiền chi ra một cách hiệu quả nhất nhưng vẫn đảm bảo các dự án được triển khai kịp thời, đáp ứng nhu cầu của Công ty và kế hoạch kinh doanh. Các máy móc thiết bị này được đầu tư với công nghệ hiện đại, công suất cao từ những nhà cung cấp có uy tín cao trên thị trường quốc tế.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ:

- Mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh sang mảng y tế với hàng loạt máy móc được đầu tư sản xuất hàng y tế xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật...
- Nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của thị trường Nhật, Mỹ, Châu Âu...
- Đáp ứng điều kiện hợp tác sản xuất với các đối tác nước ngoài trong tương lai.

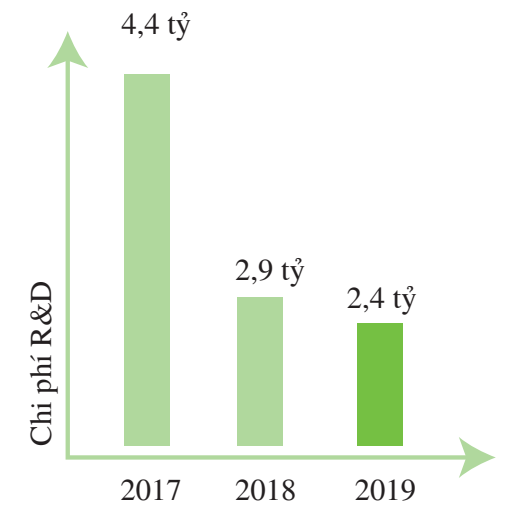
> 25 dự án đầu tư

175,58 tỷ tổng giá trị đầu tư



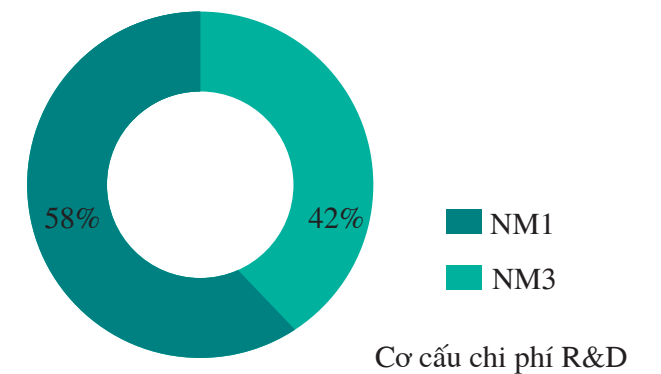
NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

RẠNG ĐÔNG LUÔN TIÊN PHONG TRONG ĐẦU TƯ, NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN, TRONG SẢN XUẤT TẠO RA HỆ SẢN PHẨM KHÁC BIỆT, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH. VỚI TINH THẦN TIÊN PHONG, THƯƠNG HIỆU RẠNG ĐÔNG ĐƯỢC CÁC ĐỐI TÁC VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG TÍN NHIỆM - YÊU MẾN 60 NĂM QUA.



A. Thành tựu của nhà máy số 1:

- Giỏ da PVC xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Mỹ: đạt tiêu chuẩn REACH (của Châu Âu), tiêu chuẩn CAB2998 & PROP65 (của Mỹ)
- Các sản phẩm sử dụng trong ngành y tế xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt tiêu chuẩn FDA, ISO13485: Áo mặc y tế cho các bác sỹ chất liệu bằng PE, vải không dệt PP...



B. Thành tựu của nhà máy số 3:

- Sản phẩm túi ói trong y tế xuất khẩu đi Mỹ đạt TC ISO 13485
- Nghiên cứu thành công và chuẩn bị đưa vào sản xuất đại trà năm 2020 màng nước xả vải Downy
- Nghiên cứu và sản xuất thành công màng túi café Fes
- Nghiên cứu thành công và chuẩn bị sản xuất đại trà năm 2020 màng dầu, soup bột, soup mại cho khách hàng Accook
- Nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công hơn 20 loại nguyên liệu mới có giá cạnh tranh.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Vòng phòng thủ thứ 1

Kiểm soát
quản lý

Biện pháp
quản lý
nội bộ



Tầng phòng vệ thứ nhất có trách nhiệm trực tiếp đối với việc sở hữu và quản trị rủi ro trong hoạt động của tập đoàn. Tầng phòng vệ thứ nhất bao gồm Tổng Giám đốc, phòng, ban tại Tập đoàn và Q-HSE.

Vòng phòng thủ thứ 2

Kiểm soát tài chính

An ninh

Quản trị rủi ro

Chất lượng

Điều tra

Tuân thủ & hành chính



Tầng phòng vệ thứ hai có trách nhiệm xây dựng chính sách, quy trình, thủ tục và công cụ QTRR, hỗ trợ triển khai công tác QTRR tại tập đoàn. Tầng phòng vệ thứ hai bao gồm HĐQT (thành viên chuyên trách) và Ban QTRR

Vòng phòng thủ thứ 3

Kiểm toán
nội bộ



Tầng phòng vệ thứ ba có trách nhiệm đánh giá tính hiệu quả và hiệu lực của hoạt động QTRR trong Tập đoàn. Tầng phòng vệ thứ ba bao gồm Ban Kiểm toán Nội bộ

Quản lý cấp cao

Cơ quan chủ quản/
Ủy ban kiểm toán

Kiểm toán độc lập

Cơ quan pháp lý



Trong quá trình hoạt động, công ty nhận diện một số loại rủi ro, đang thực hiện theo dõi và kiểm soát

Nhận Diện Rủi Ro

RỦI RO THANH KHOẢN

Công ty có thể gặp phải rủi ro khi nguồn tiền bị mất cân đối, thiếu hụt các khoản tiền mặt hoặc tương đương tiền.

RỦI RO TỶ GIÁ NGOẠI TỆ - LÃI SUẤT:

Nguyên liệu, thiết bị máy móc nhập khẩu nên công ty chịu ảnh hưởng các yếu tố đầu vào như: Tỷ giá ngoại tệ, biến động giá nguyên liệu, chính sách thuế, nhập khẩu. Tỷ giá biến động ảnh hưởng tới lợi nhuận.

RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Có đến 80% nguyên liệu nhựa Việt Nam phải nhập khẩu, gây ra tình trạng bị động trong sản xuất.

RỦI RO TRONG SẢN XUẤT:

- Sản phẩm không đạt chất lượng
- Vận hành máy móc không đúng quy định gây tình trạng máy móc bị hư hỏng, tai nạn lao động

RỦI RO VỀ NHÂN LỰC

Rủi ro về nguồn nhân lực liên quan đến số lượng, tay nghề của người lao động, kinh nghiệm năng lực không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những chuẩn mực quốc tế.

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Giảm thị phần và nguy cơ bị đuổi kịp bởi các đối thủ theo sau trong 5 - 10 năm tới nếu Công ty không có bước đột phá và chiến lược đúng đắn. Áp lực tăng trưởng cao sẽ dễ dẫn đến tăng trưởng nóng và mất khả năng kiểm soát vận hành hệ thống.

Giải Pháp

Công ty duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám Đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh và giảm thiểu ảnh hưởng những thay đổi các nguồn tiền.

- Thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ
- Công ty cân đối các khoản vay bằng ngoại tệ với các khoản thu ngoại tệ hợp lý để giảm thiểu rủi ro.
- Dự kiến các phương án về lãi suất để chủ động đưa ra các quyết định liên quan nguồn vốn tài trợ, nguồn vay hợp lý.

- Quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý.
- Đầu tư mở rộng liên doanh liên kết, phát triển các công ty con trở thành chuỗi cung ứng sản xuất.

- Xây dựng quy trình trong sản xuất, quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy, hướng dẫn sử dụng, vận hành các thiết bị để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất.
- Đồng thời, Công ty quan tâm đến đầu tư đổi mới công nghệ, phòng ngừa sự cố, kiểm tra môi trường lao động, cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức huấn luyện về an toàn, phòng chống cháy nổ định kỳ.

- Xây dựng công ty thành tổ chức học tập, phát triển lực lượng lao động có trình độ cao, tổ chức tốt nguồn nhân lực, quy hoạch nhân sự quản lý với định hướng lâu dài;
- Đầu tư cho hoạt động đào tạo cũng như các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài ...nhằm bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng cao;
- Xây dựng chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp để giữ và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng.

- Phát triển các sản phẩm mới, mở rộng danh mục sản phẩm bán hàng
- M&A hoặc liên doanh liên kết gia tăng giá trị Công ty
- Tiếp tục củng cố, mở rộng hệ thống đại lý bán hàng trên cơ sở xây dựng các chính sách đại lý đảm bảo hài hòa quyền lợi, cạnh tranh lành mạnh của hệ thống đại lý
- Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu của khách hàng.
- Đón đầu xu thế, mở rộng sản xuất các sản phẩm phụ trợ từ nhựa, bao bì mềm

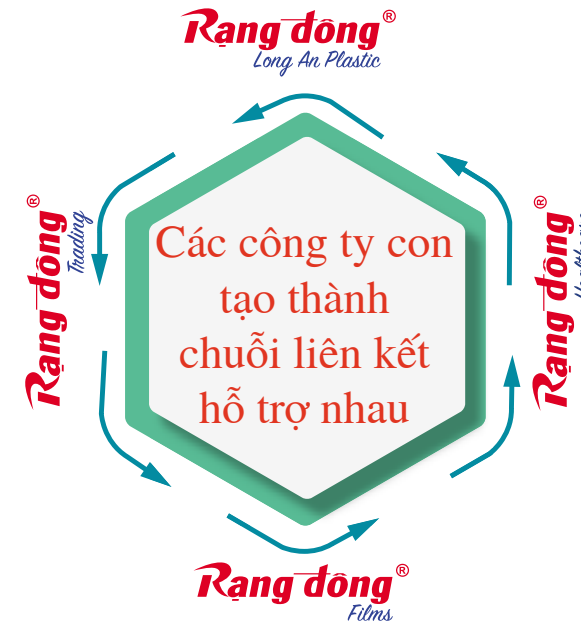
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, xu hướng phát triển và định hướng chiến lược của công ty, Ban lãnh đạo đưa ra mô hình chiến lược phát triển Rạng Đông Holdings. Hướng đến một Tập đoàn mang tầm vóc quốc tế, Rạng Đông Holding kinh doanh đa ngành nghề trong đó ngành kinh doanh liên quan tới Nhựa được lấy làm trọng tâm.



2.500 tỉ
Mục tiêu năm 2022

20 % / năm
Tăng trưởng trung bình:



**PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

- Tăng trưởng bền vững doanh thu từ các mảng kinh doanh truyền thống
- Xây dựng kênh phân phối chuyên nghiệp, sâu, rộng và đa dạng
- Nâng cao tính đa dạng, hữu ích, đầy đủ của các báo cáo quản trị và dự báo, đánh giá thẩm định các dự án đầu tư hiệu quả sau đầu tư.



- Mở rộng liên doanh liên kết, đầu tư có chọn lọc và định hướng các mảng kinh doanh mới.
- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và gia tăng lợi ích các bên liên quan
- Phát triển tốt các nguồn lực nền tảng để đáp ứng nhu cầu phát triển



- Xây dựng doanh nghiệp dẫn đầu về ứng dụng khoa học công nghệ - trong hoạt động (thông tin, quản trị, R&D, sản xuất)
- Áp dụng hệ thống quản lý SAP ERP theo chiều sâu hướng đến sự đồng bộ thông tin dữ liệu trong công ty.
- Sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời vào khu vực sản xuất.



CÁC YẾU TỐ NỘI LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN

- Rạng Đông trở thành thương hiệu Quốc gia, được các đối tác trong và ngoài nước đặt trọn niềm tin
- Hệ thống quản trị dần hoàn thiện và hướng đến các thông lệ quốc tế.
- Tiềm lực tài chính vững mạnh.
- Đội ngũ nhân viên trẻ, tận tâm và bản lĩnh.

CÁC YẾU TỐ NGOẠI LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN

- Cơ hội phát triển từ các hiệp định thương mại tự do
- Các cơ hội hợp tác, liên doanh liên kết, chuyển giao khoa học công nghệ từ các đối tác, cổ đông chiến lược
- Tình hình nguyên liệu nhựa phụ thuộc 80% từ nguồn nhập khẩu.
- Áp lực cạnh tranh giành thị phần với các đối thủ có vốn nước ngoài



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN
- QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
2. GIỚI THIỆU HĐQT, BAN LÃNH ĐẠO
3. BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO
- HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Thông tin cổ đông, cổ phần

- Tổng số cổ phần : 37.336.716 cổ phần
- Cổ phần chuyển nhượng tự do : 37.336.716 cổ phần
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 26.224 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : cổ phần phổ thông
- Mệnh giá 1 cổ phiếu : 10.000 đồng

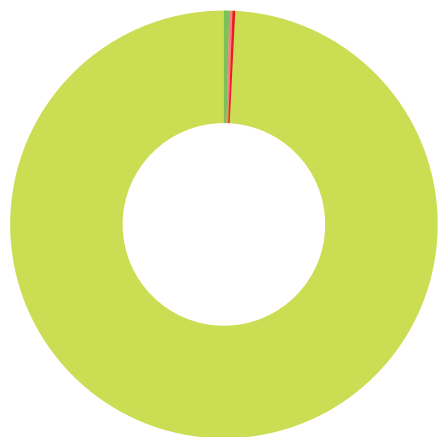
Vốn điều lệ của công ty

373.367.160.000 VNĐ

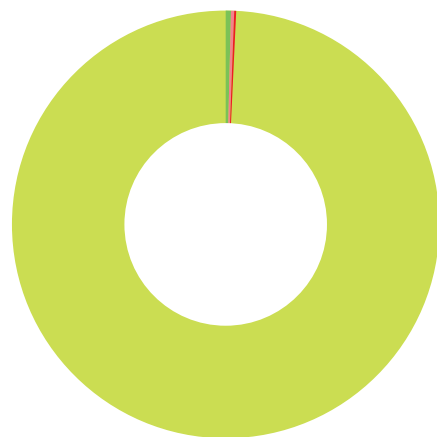
Tại thời điểm ngày 31/12/2019

Cơ cấu cổ đông:

Nội dung	Số lượng Cổ Đông	Số lượng Cổ Phiếu	% vốn điều lệ
Tổng số cổ đông	1.128	37.336.716	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	1.128	37.336.716	100%
Cổ đông lớn, nhỏ	1.128	37.336.716	100%
* Cổ đông lớn	1	23.953.110	64,15%
* Cổ đông nhỏ	1.127	13.383.606	35,85%
Cổ đông trong nước	1.103	37.160.894	99,53%
■ Tổ chức	29	94.946	0,26%
■ Cá nhân	1.074	37.065.948	99,27%
Cổ đông nước ngoài	25	175.822	0,47%
■ Tổ chức	5	91.320	0,24%
■ Cá nhân	20	84.502	0,23%



Tỉ lệ cổ đông 2018



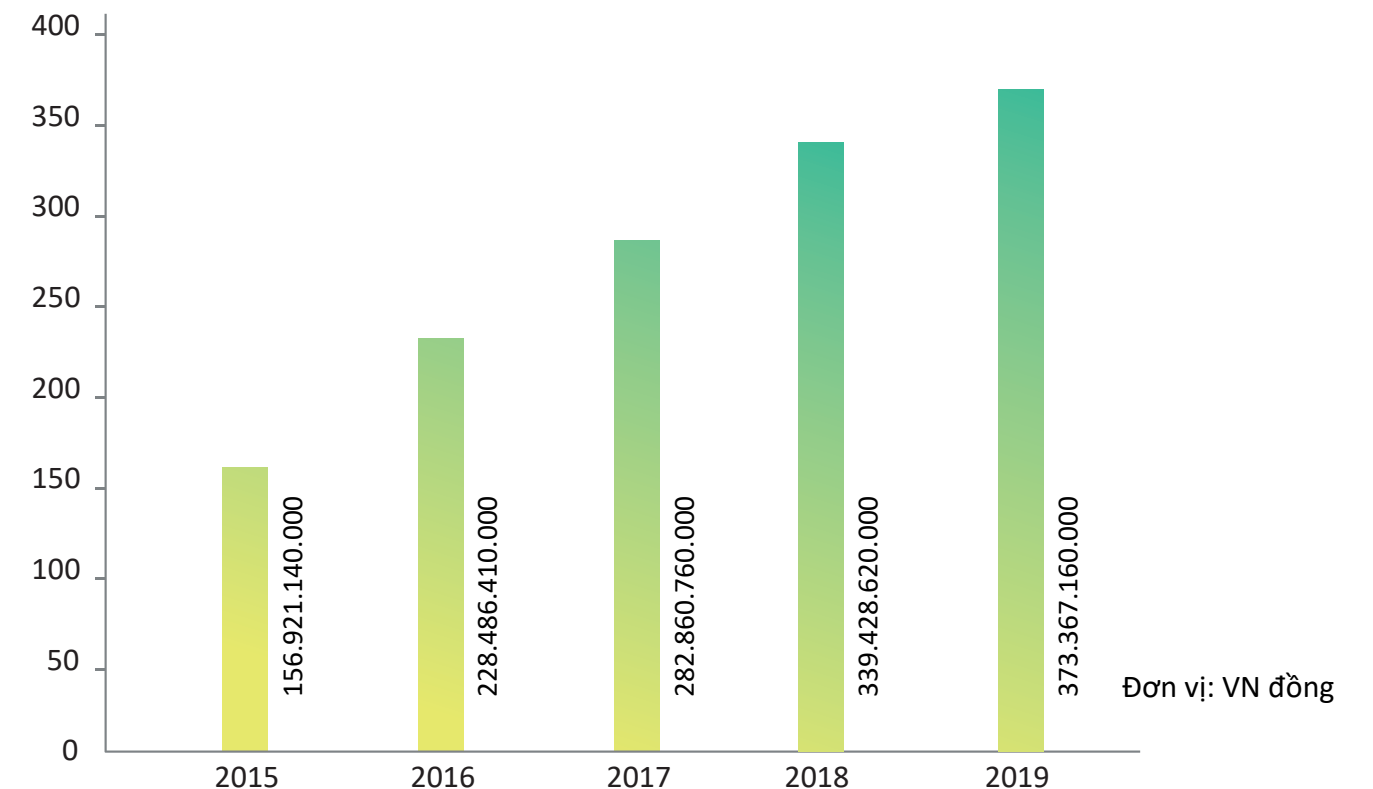
Tỉ lệ cổ đông 2019

Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ nào được thực hiện trong năm.

Công ty không có phát sinh chứng khoán khác trong năm.

Quá trình tăng vốn điều lệ

Nội dung	ĐVT	Thời gian phát hành	Giá trị phát hành	Vốn Điều Lệ Sau Phát Hành
Vốn điều lệ đầu năm 2016	đồng		156.921.140.000	156.921.140.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng và ESOP	đồng	01/2016	24.417.270.000	181.338.410.000
Tăng vốn từ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng (*)	đồng	10/2016	48.148.000.000	228.486.410.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	đồng	02/2017	54.374.350.000	282.860.760.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	đồng	01/2018	56.567.860.000	339.428.620.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu	đồng	12/2018	33.938.540.000	373.367.160.000





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông HỒ ĐỨC LAM

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam

1981 - 1984:
- Công nhân điện Nhà máy Diêm Hòa Bình

1985 - 12/2005:
- Công nhân điện XN Nguyên liệu giấy
- Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhựa **Rạng đông®**
- Phó TGD Công ty CP Nhựa **Rạng đông®**

1/2006 đến 2018:
- Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông®**

2019 đến nay:
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông HỒ ĐỨC DŨNG

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 2009 - 2014: Giám Đốc Cty TNHH MTV SXTM & DV Hồ Đức

- 2014 - 2016: Giám đốc Cung Ứng Vật Tư Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông®**

- Từ 2017: Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông®** Long An

- 2019 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần **Rạng đông®** Healthcare



Ông TRẦN TRỌNG TRIỆU

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 1994 - 2003: Nhân viên tín dụng công ty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2003 - 2008: Trưởng phòng TCKT chi nhánh Nam SG, cty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2008 - 2009: Trưởng phòng tín dụng, NH Techcombank
- 2009 - 2010: Trưởng phòng kinh doanh, công ty cho thuê tài chính, Ngân hàng Á Châu
- 2010 - 2017: Giám Đốc K.Doanh, công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam
- 05/2019 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty **Rạng đông®** Holding



Ông NGUYỄN TRỌNG BÌNH

Thành Viên độc lập Hội Đồng Quản Trị

- 1985 - 1992 : Bác sỹ khoa khám bệnh - Bệnh viện đa khoa tỉnh Cần Thơ.
- 1992 - 2011: Phó trưởng khoa cấp cứu - Bệnh viện huyện Bình Chánh.
- 2011 đến nay: Bác sỹ khoa khám bệnh - Bệnh viện Ngọc Tâm.



Bà LÊ THỊ THANH THỦY

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 1996 - 2000: Chăm sóc khách hàng Cty TNHH TMCP ĐT-KD BĐS City View Apartment
- 2000 - 2005: Trợ lý Giám đốc, VPĐD Hyosung Vina
- 2005 - 2007: Thư ký Giám đốc, Equatorial Hotel
- 2007 - 2015: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Cty CPĐT & PTCN Mỹ Việt
- 2015 đến nay: Trợ lý Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông®**
- Tháng 12/2017: Người phụ trách quản trị Công ty

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông TRẦN TRỌNG TRIỆU

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 1994 - 2003: Nhân viên tín dụng công ty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2003 - 2008: trưởng phòng TCKT chi nhánh Nam SG, cty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2008 - 2009: trưởng phòng tín dụng, NH Techcombank
- 2009 - 2010: trưởng phòng kinh doanh, công ty cho thuê tài chính, Ngân hàng Á Châu
- 2010 - 2017: Giám Đốc K.Doanh, công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam
- 05/2019 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty **Rạng đông** Holding



Ông DƯƠNG VĂN HÒA

Kế toán trưởng - TP. Tài chính Kế toán

- 2002 - 2006: K/toán tổng hợp Cty CP Đường Quảng Ngãi
- 2006 - 2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Địa Ốc Cấp điện Thịnh Phát
- 2008 - 2019: Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh
- 10/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần **Rạng đông** Holding



THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Thay đổi nhân sự BDH năm 2019			Tỉ lệ cổ phần sở hữu
1	Hồ Đức Lam	Tổng Giám Đốc miễn nhiệm 09/05/2019	64,15%
2	Trần Trọng Triệu	Tổng Giám Đốc bổ nhiệm 09/05/2019	0%
3	Huỳnh Anh Kiệt	Kế toán trưởng miễn nhiệm 18/12/2019	0%
4	Dương Văn Hòa	Kế toán trưởng bổ nhiệm 18/12/2019	0%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2018

Ban Kiểm toán nội bộ ("BKTNB") được thành lập từ sau Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2018, chuyển đổi mô hình quản trị từ Ban Kiểm soát trực thuộc ĐHĐCĐ sang mô hình BKTNB trực thuộc Hội đồng quản trị ("HĐQT"). Thành viên độc lập HĐQT đảm nhiệm vị trí Trưởng ban BKTNB.

Cùng Phòng Kiểm soát nội bộ ("KSNB") của Công ty, BKTNB triển khai các công việc kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế trong việc quản trị công ty, gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, mang lại lợi ích cho Công ty và cho các Cổ đông.

BKTNB đã thể hiện vai trò của mình, giám sát và cung cấp kịp thời thông tin cho HĐQT nhằm triển khai, điều chỉnh chiến lược kinh doanh, đầu tư của công ty phù hợp hơn trong từng giai đoạn của năm 2019 vừa qua.

Các hoạt động của BKTNB đã triển khai trong năm 2019 chi tiết như sau:

- Nhận chỉ đạo từ HĐQT giám sát việc triển khai xây dựng Dự án Rạng Đông Healthcare tại Khu CN Tân Đông, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Công tác xây dựng đúng theo tiến độ, đảm bảo an toàn – vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.
 - Giám sát tiến độ chạy thử máy móc thiết bị đầu tư, đưa vào vận hành chính thức đảm bảo nguồn hàng sản xuất cung cấp cho thị trường, khách hàng, đảm bảo sản lượng sản xuất, doanh thu của Công ty theo kế hoạch.
 - Giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với Công ty mẹ cũng như Công ty con.
 - Cùng Phòng KSNB Công ty mẹ kiểm tra các hoạt động :
 - + Chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương, cách tính lương và các khoản BHXH theo quy định.
 - + Rà soát chi phí vận chuyển của các phòng kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An, kiểm tra công tác quản lý sử dụng xe vận chuyển để đảm bảo tối ưu chi phí vận chuyển cho Công ty.
 - + Các khoản tạm ứng và thanh toán tạm ứng lại cho Công ty.
 - + Công tác quản lý kho đảm bảo tài sản của Công ty được quản lý hiệu quả và chặt chẽ.
 - Thông qua kết quả kiểm toán, cải tiến lại các quy định và triển khai giải pháp thực hiện đảm bảo quản trị Công ty tốt hơn, tạo môi trường làm việc minh bạch, rõ ràng, đào tạo và phổ biến sâu rộng quy định, quy trình của Công ty cho người lao động hiểu và tuân thủ đúng.
 - Giám sát bộ phận Tài chính kế toán (với sự hỗ trợ của Phòng KSNB), trong việc lập báo cáo tài chính quý, năm, cung cấp kịp thời thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và tài chính của Công ty đến với cổ đông, các nhà đầu tư tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- Theo Nghị định số 05/2019/NĐ/CP ban hành ngày 22/01/2019 về Kiểm toán nội bộ có hiệu lực thi hành từ 01/04/2019, trong vòng 24 tháng các đơn vị thuộc đối tượng phải thực hiện công tác Kiểm toán nội bộ phải thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định này.
- Theo đó kế hoạch năm 2020 BKTNB sẽ tư vấn cho HĐQT cơ cấu lại nhân sự trong BKTNB và đồng thời triển khai xây dựng Phòng KSNB đáp ứng yêu cầu quản trị ngày càng minh bạch tuân thủ theo Luật định.

1. Hội đồng quản trị
a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Số TT	Họ tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Loại thành viên	Ghi chú
1	Hồ Đức Lam	64,15%		Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc Cty CP Nhựa Rạng Đông Long An Chủ tịch HĐQT Cty CP Rạng Đông Films Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc Cty CP Trading Rạng Đông Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare Chủ tịch HĐQT Cty CP Tiếp Vận Song Dũng
2	Hồ Đức Dũng	0,00%		Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tiếp Vận Song Dũng Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare
3	Trần Trọng Triệu	0,00%		Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Films Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare
4	Nguyễn Trọng Bình	0,00%	Độc lập	
5	Lê Thị Thanh Thủy	0,00%		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Số TT	Họ tên	Tiểu ban	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Bình	Kiểm toán nội bộ	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng ban

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị: các cuộc họp trong năm 2019

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hồ Đức Lam	Chủ tịch	10/05/2018	14/14	100%	
3	Hồ Đức Dũng	Thành viên	21/04/2018	14/14	100%	
4	Nguyễn Trọng Bình	T.v độc lập	21/04/2018	14/14	100%	
4	Trần Trọng Triệu	Thành viên	21/04/2018	14/14	100%	
5	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	21/04/2018	14/14	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

HĐQT chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện và triển khai các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông “ĐHĐCĐ”, cụ thể :

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý (1,2,3,4) năm 2019, Báo cáo thường niên năm 2018, Báo cáo tình hình quản trị năm 2018, Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng năm 2019, Báo cáo tình hình quản trị năm 2019.
- Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đúng theo pháp luật hiện hành vào ngày 26/04/2019 tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An.
- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2019 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.
- Giám sát việc điều chỉnh Điều lệ, Giấy phép đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc thay đổi vốn, thông tin đăng ký ngành nghề kinh doanh của công ty tuân thủ theo luật quy định.
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự cấp cao, điều chuyển về các vị trí chủ chốt giúp cho việc điều hành và quản lý tại các công ty thành viên được giám sát chặt chẽ hơn.
- Triển khai và giám sát tiến độ thi công nhà máy Rạng Đông Healthcare tại Khu CN Tân Đô, Long An.
- Đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	18/02/2019	Kế hoạch triển khai công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
02	02/QĐ-HĐQT	08/05/2019	Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Hồ Đức Lam.
03	03/QĐ-HĐQT	08/05/2019	Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Trần Trọng Triệu.
04	04/QĐ-HĐQT	15/05/2019	Tạm ngừng hoạt động của Chi nhánh Cty CP Rạng Đông Holding tại Nghệ An.
05	05/NQ-HĐQT	16/05/2019	Thông qua các hợp đồng mua bán, cung ứng dịch vụ và các giao dịch liên quan khác giữa Công ty CP Rạng Đông Holding và Công ty CP Trading Rạng Đông.
06	06/NQ-HĐQT	16/05/2019	Thông qua các hợp đồng mua bán, cung ứng dịch vụ và các giao dịch liên quan khác giữa Công ty CP Rạng Đông Holding và Công ty CP Rạng Đông Films.
07	07/NQ-HĐQT	19/06/2019	Tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare và cử người đại diện quản lý phần vốn góp.
08	08/NQ-HĐQT	28/06/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2019.
09	09/NQ-HĐQT	19/07/2019	Thông qua các hợp đồng mua bán, cung ứng dịch vụ và các giao dịch liên quan khác giữa Cty CP Rạng Đông Holding và Cty CP Rạng Đông Healthcare.
10	10/NQ-HĐQT	26/07/2019	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông – Nhà máy Nhựa Tiên Sơn.
11	11/NQ-HĐQT	15/08/2019	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2018.
12	12/NQ-HĐQT	20/08/2019	Tạm ngừng hoạt động của Chi nhánh Cty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tại Hà Nội.
13	13/NQ-HĐQT	17/12/2019	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Huỳnh Anh Kiệt.
14	14/NQ-HĐQT	17/12/2019	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Dương Minh Hòa

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Thành viên HĐQT độc lập hợp cùng với bộ phận Kiểm soát nội bộ của công ty: Kiểm tra chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương, cách tính lương và các khoản BHXH theo quy định; Kiểm tra rà soát chi phí vận chuyển của các đơn vị kinh doanh, công tác quản lý sử dụng xe vận chuyển đảm bảo tiết kiệm tối ưu chi phí vận chuyển; Kiểm tra các khoản tạm ứng và thanh toán tạm ứng; Kiểm tra công tác quản lý kho. Thành viên HĐQT độc lập và bộ phận Kiểm soát nội bộ đã xây dựng các quy định khắc phục sai sót và ngăn ngừa rủi ro.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ các quy định về quản trị công ty thực hiện nghiêm túc theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

2. . Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Hồ Đức Lam	CT.HĐQT/TGĐ	12.775.555	64,15%	23.953.110	64,15%	Nhận cổ tức 2018
02	Hồ Đức Dũng	Thành viên HĐQT	11.844	0,03%	0	0,00%	Bán cổ phiếu
03	Hồ Hoàng Mai	Con ruột TGĐ	2.971	0,01%	3.268	0,01%	Nhận cổ tức 2018
04	Hồ Thị Kim Thoa	Chị CT HĐQT	11.763	0,03%	12.939	0,03%	Nhận cổ tức 2018
05	Nguyễn Trọng Bình	Thành viên độc lập HĐQT					Không nắm giữ cổ phiếu
06	Trần Trọng Triệu	Thành viên HĐQT/ P.TGĐ					Không nắm giữ cổ phiếu
07	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT/ Người Quản trị cty/ Thư ký HĐQT					Không nắm giữ cổ phiếu
08	Dương Minh Hòa	Kế toán trưởng/ TP. TCKT					Không nắm giữ cổ phiếu
09	Bùi Đắc Thiện	Người được ủy quyền CBTT	721	0,00%	793	0,0%	Nhận cổ tức 2018

b) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Thù lao BAN KIỂM SOÁT	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích BAN GIÁM ĐỐC
0 VNĐ	0 VNĐ	3.714.106.567 VNĐ

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Giao dịch		Mua (VNĐ)	Bán (VNĐ)
01	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An	RDP/RLP	62.412.348.046	633.204.046.165
02	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Tiếp vận Song Dũng	RDP/Song Dũng	4.907.264.189	
03	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông	RDP/RDT		324.983.005.253
04	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Films	RDP/RDF	3.449.996.050	109.890.096.791
05	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare	RDP/RDH		118.181.817

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING, CHÚNG TÔI MONG MUỐN NHỮNG GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA CÔNG TY SẼ ĐƯỢC LAN TỎA, HƯỞNG ỨNG NGÀY Càng MẠNH MẼ TRONG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI, TẠO THÀNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TƯƠNG LAI.

Hằng năm, công ty đều xem xét, đánh giá lại các nguyên tắc thực hành “Phát triển bền vững” tại trụ sở chính công ty, các nhà máy, các công ty con. Nội dung báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo Thường niên là một phần quan trọng nhằm công bố các thông tin về chiến lược phát triển bền vững; đánh giá các tác động, rủi ro và cơ hội kinh doanh liên quan đến môi trường, xã hội. Báo cáo giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ở khía cạnh phát triển bền vững.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An, Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare, Công ty Cổ phần Rạng Đông Films, Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông. Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2019 bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 31/12/2019.

Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại công ty và các nhà máy. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2019, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

CÁCH THỨC XÂY DỰNG BÁO CÁO

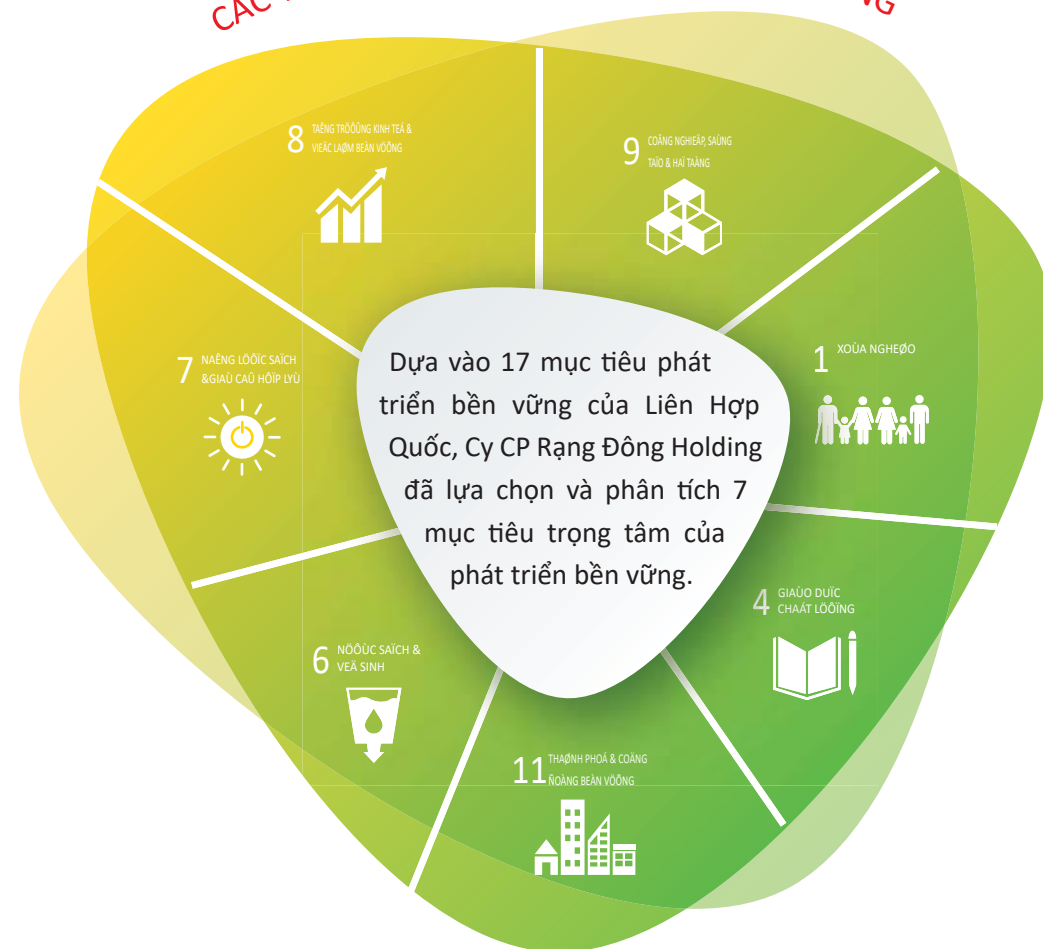
Báo cáo được lập dựa trên tài liệu CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với UNESCO phát hành, xác định các lĩnh vực trọng yếu tác động đến các bên liên quan.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

60 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa, công ty hiểu rõ những giá trị của chính sách phát triển bền vững. Chúng tôi nỗ lực không ngừng để thông điệp “Phát triển bền vững” trở thành Chiến lược phát triển, đồng thời thông điệp được lan truyền và hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan vui lòng liên hệ:

190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, Tp.HCM
ĐT: 028 - 3969 2272

CÁC YẾU TỐ BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
<p>8. Tăng trưởng kinh tế & việc làm bền vững</p> <p>9. Công nghiệp, sáng tạo & hạ tầng</p>	<p>1. Xóa nghèo</p> <p>4. Giáo dục chất lượng</p> <p>11. Thành phố & cộng đồng bền vững</p>	<p>6. Nước sạch & vệ sinh</p> <p>7. Năng lượng sạch & giá cả hợp lý</p>



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông/ Nhà đầu tư - Đối tác / khách hàng - Người lao động - Người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Holdings, các công ty con hoạt động độc lập, trở thành chuỗi liên kết liên doanh hỗ trợ lẫn nhau, giúp công ty mở rộng thị trường trong & ngoài nước - Thúc đẩy nghiên cứu phát triển sp mới. - Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất - Đầu tư máy móc thiết bị - Đầu tư cho hệ thống lạnh trung tâm - Tăng cường các hoạt động đánh giá với các đối tác quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu xuất khẩu + 20% - Mở rộng thị phần xuất khẩu +5% - 2 đề tài cấp bộ được nghiệm thu, ứng dụng thành công 6 sản phẩm mới từ 2 đề tài trên - Tạo thêm +100 việc làm mới - Môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn Nhật.



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng xã hội - Cơ quan Nhà nước - Người lao động 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty luôn tuân thủ các quy định kê khai thuế, nộp thuế. Qua đó, tái phân bổ một phần lợi ích lại xã hội - Đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng ý nghĩa, cam kết chặt chẽ sự phát triển bền vững, thịnh vượng chung của toàn xã hội. - Xây dựng nguồn lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của cty; - Đảm bảo các chế độ lương thưởng phúc lợi đối với người lao động; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp Ngân sách NN - 2.2 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng tại Long An, chương trình cầu Nông thôn Việt - Đảm bảo thu nhập người lao động +8.5 triệu, cùng các phúc lợi khác - Mở 74 lớp đào tạo, nâng cao trình độ, chuyên môn cho 450 lao động, giúp gia tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị lao động trong tương lai



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng xã hội - Người lao động - Người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong sản xuất, tái sử dụng nguyên liệu. - Dự án điện mặt trời áp mái: công suất 4,5 MW - Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trạm xử lý nước thải đạt công suất 100 m3/ ngày. - Đầu tư hệ thống cấp nhiệt đạt 4.000.000 Kcal, thay thế toàn bộ lò dầu đốt củi, đốt dầu DO - Áp dụng mô hình 3B trong quá trình xử lý phế liệu phát sinh - Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ. - Không xảy ra vi phạm luật pháp về bảo vệ môi trường.



NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực tiếp tục duy trì sự ổn định với tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 15%, tương đương 88 người. Tỷ lệ lao động trẻ tiếp tục được duy trì trong những năm gần đây, năm 2019, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 61%, phù hợp với đặc thù ngành. Tỷ lệ lao động trên 40 tuổi đã gắn bó lâu dài với công ty chiếm 14%.

Năm 2019, công ty đã thực hiện tăng lương cho nhân viên với tỷ lệ tăng bình quân là 6%. Đồng thời, công ty thực hiện các chính sách phúc lợi khác để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV. Hệ thống phúc lợi, đãi ngộ bao gồm:

- Tặng quà ngày 08/03, 20/10 cho CBCNV nữ.
- Tặng quà ngày Tết thiếu nhi, trung thu
- Tặng quà và hỗ trợ cho CBCNV nhân các dịp hiếu hỉ, sinh nhật, ốm đau, sinh con, lễ, Tết.
- Du lịch hàng năm cùng toàn thể CBCNV
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định như BH xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp cho toàn bộ người lao động.
- Duy trì các loại hình bảo hiểm không bắt buộc như BH tai nạn 24/24, BH sức khỏe toàn diện cho đối tượng là cán bộ quản lý của Công ty.
- Thưởng theo doanh số, theo hiệu quả công việc

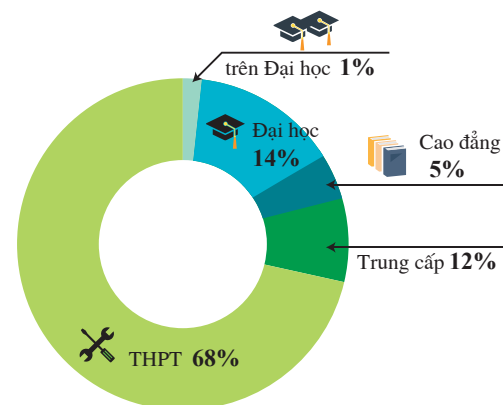
Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe của nhân viên và bảo vệ môi trường của cộng đồng. Các chính sách đảm bảo an toàn sức khỏe và bệnh nghề nghiệp bao gồm:

- Hướng dẫn, tập huấn các biện pháp an toàn
- Cấp quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động;
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Phòng ngừa và loại trừ những nguy cơ đe dọa tính mạng, sức khỏe của người lao động;
- Không sử dụng lao động nữ đang mang thai hay nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm đêm hoặc làm thêm giờ; không sử dụng lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

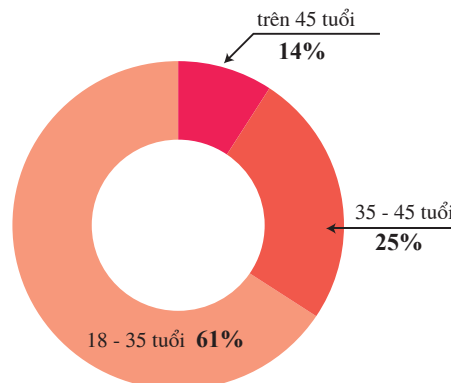
659

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG
TÍNH ĐẾN 31/12/2019

Năm	2018	2019
Tổng lao động	658	659
Tỷ lệ nam (%)	70	73
Tỷ lệ nữ (%)	30	27



Cơ cấu trình độ năm 2019

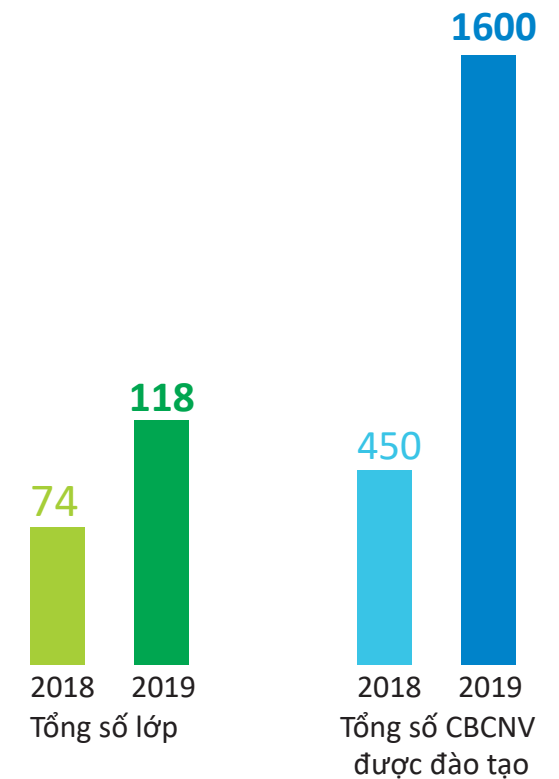


Cơ cấu độ tuổi năm 2019



CHUỖI ĐÀO TẠO THAY ĐỔI TƯ DUY

Ban lãnh đạo công ty nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt về công tác đào tạo, nên đã có nhiều văn bản chỉ đạo sâu sát và chế độ ưu đãi, thúc đẩy phương thức đào tạo mới tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, đảm bảo nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ chuyên môn đáp ứng tiêu chuẩn mới



STT	Hoạt động đào tạo	Số lớp	Số CBCNV tham gia
A. Đào tạo nội bộ			
1	Đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn	81	986
2	Đào tạo nội quy, quy chế văn hóa	37	614
3	Đào tạo áp dụng SAP	1	12
4	Đào tạo phòng chống tham nhũng	11	92
B. Đào tạo bên ngoài.			
1.	hệ thống quản lý ISO 9001, 14001, 22000 & FSSC		Toàn công ty
2.	An toàn vệ sinh thực phẩm		Toàn công ty
3.	Phòng cháy chữa cháy		Toàn công ty
4.	An toàn vệ sinh lao động		Toàn công ty
5	Giám Đốc Nhà máy, Giám Đốc Kinh doanh	6	6
6.	Đào tạo khác	20	26

A. Đối với đào tạo nội bộ:

- Công ty có chế độ phụ cấp cho giảng viên theo giờ + công nhân trực tiếp làm bài kiểm tra đạt điểm 7 trở lên.
- Mục tiêu đề ra là 80 khóa đào tạo/năm - Kết quả đạt được là 118 khóa tương đương 148% mục tiêu với số lượng 1.600 học viên tham gia

B. Đối với đào tạo bên ngoài:

- Công ty có chính sách tài trợ 100% chi phí tất cả các khóa học ngắn hạn đến dài hạn (kèm theo điều kiện CBNV cũng phải có cam kết gắn bó với công ty thời gian tương ứng các mức học phí sau khi học xong).

- Mục tiêu đề ra là 20 khóa đào tạo/năm - Kết quả đạt được là 26 khóa tương đương 130% mục tiêu, với số lượng 32 cán bộ nhân viên được cử đi đào tạo.

C. Hiệu quả:

- Nâng cao nhận thức cho rất nhiều CBNV về các hệ thống quản lý ISO, SAP,... và nghiệp vụ, kỹ năng tay nghề, phối hợp đội nhóm, thương hiệu công ty cũng như ý thức kỷ luật, đoàn kết vì màu cờ sắc áo & mục tiêu chung.
- Giảm sai sót trong công việc, nâng cao chất lượng /hiệu quả công việc cho từng CBNV,
- Các phòng ban, nhà máy & toàn công ty Đạt & vượt nhiều mục tiêu đề ra năm 2019.



Trong giai đoạn 2019 - 2022, công ty Rạng Đông Holding xác định “tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tăng trưởng kinh tế bền vững và gia tăng lợi ích các bên hữu quan” là một trong những mục tiêu trọng tâm. Với mục tiêu trên, công ty triển khai đồng bộ các giải pháp, chiến lược kinh doanh hiệu quả, cung cấp sản phẩm và dịch vụ cao cho khách hàng, tạo thêm việc làm cho người dân địa phương, đầu tư phát triển cộng đồng nhân văn nhằm tối đa hóa gia tăng lợi ích các bên hữu quan.

- NÂNG CAO GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU NHỰA ĐẦU NGÀNH VIỆT NAM.

- THÚC ĐẨY NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TĂNG DOANH THU TỪ CÁC SẢN PHẨM MỚI.

- PHÁT HUY SÁNG KIẾN CẢI TIẾN, TIẾT KIỆM HIỆU QUẢ, CHỐNG LÃNG PHÍ.

- ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN.

NÂNG CAO GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU NHỰA ĐẦU NGÀNH

Cam kết chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu xây dựng nên giá trị bền vững của thương hiệu Rạng Đông, và là cơ sở nền tảng trong trách nhiệm của Công ty đối với xã hội.

DOANH SỐ ỔN ĐỊNH
LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG
ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH TĂNG

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Năm 2019 công ty tập trung nguồn lực vào công tác Nghiên cứu trọng điểm để có hệ sản phẩm khác biệt.

TẠO LỢI THẾ CẠNH TRANH.
NÂNG CAO GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

PHÁT HUY SÁNG KIẾN CẢI TIẾN,

Với niềm tin «Một chi tiết nhỏ làm nên một kiệt tác – Một cải tiến mới thay đổi một quá trình», hoạt động Kaizen tiếp tục phát huy trong năm 2019 và đạt nhiều giá trị trong công tác quản lý sản xuất và kinh doanh.

> 20 Phòng /Ban tham gia
> 120 triệu tiền thưởng



02 Tập thể xuất sắc + 02 Cá nhân xuất sắc

ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHUYÊN MÔN

Ban lãnh đạo luôn cố gắng xây dựng công ty trở thành một tổ chức học tập trên tinh thần chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm làm việc nhóm hiệu quả. Các chương trình liên tục đổi mới, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa với tinh thần: Tâm huyết, dẫn thân, chấp nhận và phù hợp sự thay đổi.



Thư viện công ty



Năm 2019 được đánh giá là năm phát triển bền vững của Công ty Rạng Đông Holding khi các dự án trọng điểm được triển khai và chuẩn bị đi vào hoạt động



Diện tích:
8.3 ha

Tổng đầu tư
50 triệu USD

Nhà máy Rạng Đông Healthcare - được xây dựng trên diện tích 8.3 ha gồm 5 phân xưởng sản xuất, tổng vốn đầu tư 50 triệu USD. Với việc cung ứng trang thiết bị y tế cho thị trường Mỹ đạt tiêu chuẩn FDA đầu tiên tại Việt Nam, nhà máy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành sản xuất, được đồng bộ và tự động hóa hoàn toàn. Các dây chuyền sản xuất ngành y tế hoạt động dựa trên nguyên tắc “No touch, No dust” trong sản xuất (không có tác động con người không sinh bụi), toàn bộ dây chuyền hạn chế đến mức thấp nhất sự can thiệp của con người vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh đầu tư cho công nghệ sản xuất, Rạng Đông chú trọng nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp thông qua nền tảng tích hợp ERP.

Nền tảng ERP cho phép công ty quản trị quá trình vận hành xuyên suốt (từ lập kế hoạch dự báo, đặt hàng, sản xuất và phân phối), kết nối các bộ phận trong một hệ thống chung. Phần mềm ERP cho phép cty có thể theo dõi xuyên suốt và số hóa hầu hết các nghiệp vụ để giải quyết: quản lý, truy vết hàng trong chuỗi cung ứng, cập nhật giá cho các kênh bán hàng khác nhau, dự báo nhu cầu... Đây là xu hướng tất yếu thay cho việc sử dụng các phần mềm quản trị rời rạc như trước đây.

Quản trị nhân sự bằng hệ thống HR PRO 7

Năm 2019, áp dụng giải pháp HR PRO 7 trong quản trị hệ thống nhân sự, giúp công ty hợp lý hoá quy trình quản lý nhân viên mà còn khai thác tối đa tiềm năng của họ. Hệ thống cho phép khai thác trên nhiều khía cạnh: quản lý cơ sở dữ liệu của CBCNV, chấm công, quản lý lương, quản lý đánh giá kết quả - khen thưởng, quản lý công tác đào tạo - tuyển dụng, hoạch định chính sách phát triển nhân lực.



CHIA SẺ THÀNH QUẢ - ĐÓNG GÓP CHO XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Bên liên quan	Nội dung	2017	2018	2019
Nhà nước	Nộp ngân sách nhà nước	54,024 tỷ	104,072 tỷ	29,539 tỷ
Nhân viên	Thu nhập của người lao động	7,8 triệu	8,5 triệu	9,5 triệu
Cộng đồng	Đóng góp cho cộng đồng, xã hội	2,1 tỷ	2,2 tỷ	1,2 tỷ



Công ty CP Rạng Đông Holding đã tạo công ăn việc làm cho hơn 650 lao động. Thông qua các chính sách tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, công ty góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế chung của xã hội. Bên cạnh đó, hằng năm, công ty CP Rạng Đông Holding đóng góp hàng tỷ đồng vào ngân sách nhà nước cùng nhiều chương trình hoạt động xã hội cộng đồng khác tại địa phương. Năm 2019, công ty đã có hoạt động cộng đồng dưới nhiều hình thức như:

- Chương trình Xuân Yêu Thương - Tết sẻ chia tại 2 tỉnh Đồng Nai và Long An
- Chương trình đền ơn đáp nghĩa
- Chương trình tiếp sức mùa thi
- Chương trình các trường Đại học, THPT tham quan công ty.



TIÊU THỤ NƯỚC

Bên cạnh định hướng tập trung vào các giải pháp kinh doanh hiệu quả, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và uy tín trên thị trường, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, hướng tới doanh nghiệp thân thiện với môi trường. Vì vậy, biện pháp tiết kiệm tài nguyên nước, tái chế nước, tái sử dụng là rất cần thiết.

Giải Pháp Tiết Kiệm Nước

Nhận thức được những trách nhiệm đối với tài nguyên nước, công ty đã có định hướng tiết kiệm tài nguyên nước:



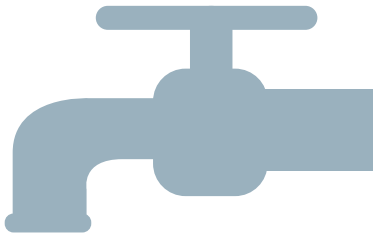
- Hoàn thiện lắp đặt các đồng hồ nước có kiểm định cho từng khu vực trong công ty, trên từng nhà máy sản xuất.
- Theo dõi thống kê hàng tháng tổng hợp phân tích để phát hiện kịp thời các khu vực sử dụng vượt định mức tìm nguyên nhân xử lý kịp thời. Giáo dục cho cán bộ công nhân viên về ý thức tiết kiệm nước, sử dụng nước đúng mục đích.
- Kiểm tra chống rò rỉ nước trên đường ống và cắt bịt lại các đường nước sử dụng không đúng mục đích. Tăng cường kiểm tra phát hiện khắc phục kịp thời nhanh chóng các sự cố khi hư hỏng.

NHÀ ĂN ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỆ SINH CỦA BỘ Y TẾ

Tại Rạng Đông, Ban lãnh đạo trân trọng những giá trị lao động của mỗi CBCNV đã đóng góp cho thành công của công ty. Thấu hiểu những giá trị của người lao động, cty đã nỗ lực xây dựng và vận hành nhà ăn đạt tiêu chuẩn tốt nhất “đem lại cho mỗi thành viên của mình một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần”.

Nhà ăn của công ty đảm bảo tiêu chuẩn:

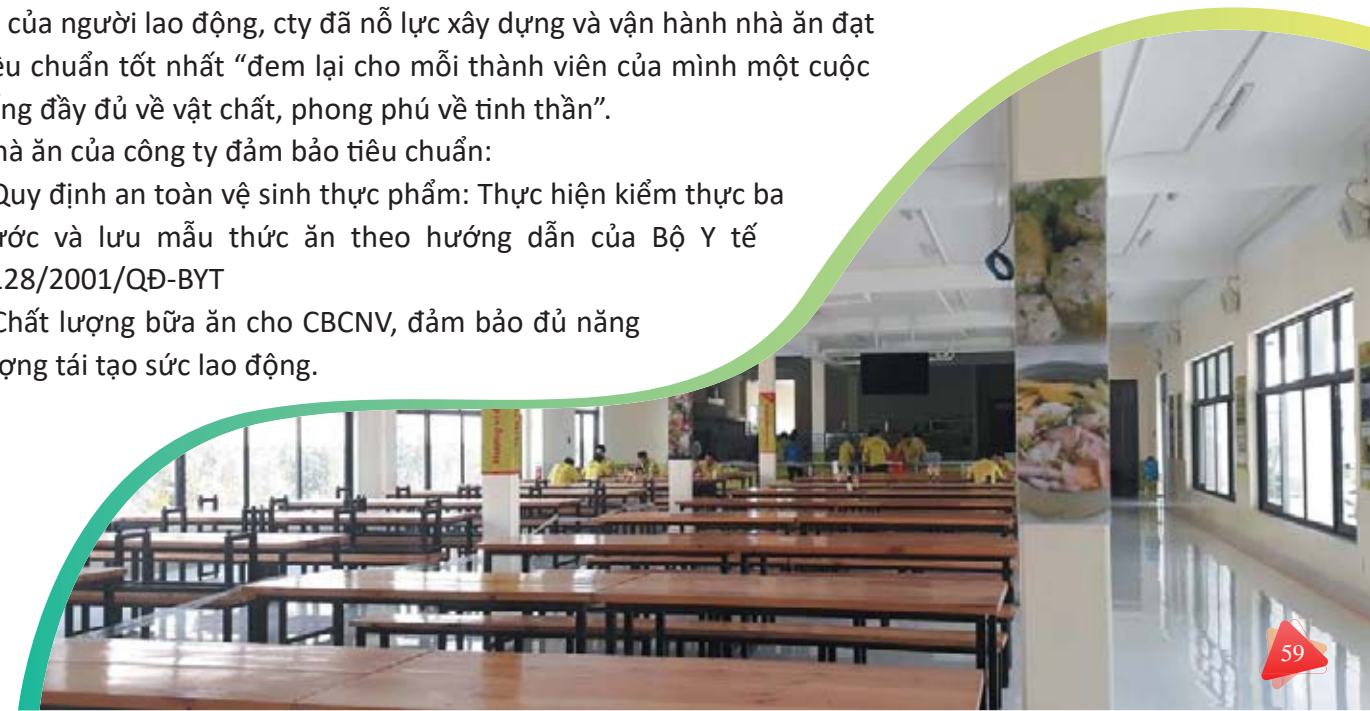
- Quy định an toàn vệ sinh thực phẩm: Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế 4128/2001/QĐ-BYT
- Chất lượng bữa ăn cho CBCNV, đảm bảo đủ năng lượng tái tạo sức lao động.



năm 2019
43.861
m³

-1%
so với
năm 2018

CÔNG SUẤT
TRẠM XỬ LÝ
NƯỚC THẢI
100 m³/ngày





Năng lượng trong sản xuất **96%**



- Năm 2019, tiêu thụ điện có sự tăng nhẹ do các máy cán C1&C4 và các máy từ nhà máy Bao Bì củ chi chuyển về đưa vào hoạt động sản xuất.
- Đầu tư lắp đặt thêm các máy khu ép suất: Máy tole mới 12C, máy sx ống luồng dây điện, 2 máy ống luồng dây điện gân khu vực ép suất



Năng lượng trong sinh hoạt **4%**

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG



HỆ THỐNG CẤP NHIỆT

4.000.000 KCal

Năm 2019 các máy sử dụng dầu nhiệt đã chính thức đưa vào sản xuất và vận hành ra sản phẩm. Việc cần thiết là định mức việc sử dụng nhiệt lượng cho các máy. Năm 2019 sử dụng: 11.672.318.855 Kcal. Tiếp tục theo dõi năm 2020 để phân tích đánh giá

Năng lượng trong sản xuất

- Lắp các điện kế cho từng máy sản xuất, theo dõi phân tích định mức để tiết kiệm điện.
- Thực hiện đúng định mức thời gian gia nhiệt đầu tuần
- Thực hiện bảo trì định kỳ máy móc thiết bị
- Xây dựng lại qui trình sản xuất, qui trình gia nhiệt đóng mở van dầu cho các máy

Hệ thống chiller trung tâm, FCU, AHU, các máy điều hoà

- Bảo trì định kỳ các máy điều hoà nhiệt độ, các FCU, Cooling Pad. Tiết kiệm năng lượng, giảm tải chiller trung tâm
- Thiết kế hệ thống bơm định lượng châm hoá chất vào hệ thống đường nước.
- Khai thác nguồn năng lượng nước lạnh chiller trung tâm.

Hệ thống đèn chiếu sáng

- Kiểm tra sử dụng đèn chiếu sáng đúng mục đích
- Sử dụng các cảm biến tự động ON/OFF điều khiển đèn chiếu sáng



NHỰA RẠNG ĐÔNG, TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Hiện nay, nhân loại đang phải đối mặt với việc các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Đã có nhiều ý kiến cho rằng nguồn năng lượng tái tạo chính là nguồn năng lượng tương lai. Vậy nguồn năng lượng tái tạo này là gì, lấy nó từ đâu? Với sự phát triển vượt bậc của ngành khoa học năng lượng, các nhà khoa học đã có lời giải đáp: liệu có nguồn năng lượng tái tạo nào dồi dào hơn năng lượng mặt trời?

Theo tự điển bách khoa toàn thư mở Wikipedia, năng lượng tái tạo hay năng lượng tái sinh là năng lượng từ những nguồn liên tục mà theo chuẩn mực của con người là vô hạn như năng lượng mặt trời, gió, mưa, thủy triều, sóng và địa nhiệt. Nguyên tắc cơ bản của việc sử dụng năng lượng tái tạo là tách một phần năng lượng từ các quy trình diễn biến liên tục trong môi trường và đưa vào trong các sử dụng kỹ thuật. Các quy trình này thường được thúc đẩy đặc biệt là từ mặt trời. Năng lượng tái tạo thay thế các nguồn nhiên liệu truyền thống trong 4 lĩnh vực gồm: phát điện, đun nước nóng, nhiên liệu động cơ, và hệ thống điện độc lập nông thôn.

Thật vậy, nguồn năng lượng miễn phí có sẵn khoảng 12 tiếng mỗi ngày và thậm chí nhiều hơn để khai thác mà Việt Nam ta với khí hậu nhiệt đới gió mùa nắng nóng quanh năm là một lợi thế. Năng lượng mặt trời đang dần trở thành một trong những nguồn năng lượng tái tạo được tận dụng nhiều nhất, và các nhà sáng tạo đang tìm kiếm nhiều cách tốt hơn để khai thác nguồn năng lượng này. Đó là các dự án ứng dụng lắp đặt pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, phương tiện giao thông, quần áo, điện thoại di động và nhiều hơn nữa.

vốn đầu tư
90 tỷ VNĐ

CÔNG SUẤT
4.5 MW

Tập đoàn Rạng Đông (Rạng Đông Holding) luôn đi đầu trong việc đầu tư công nghệ. Với tư cách là Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam, ông Hồ Đức Lam, Chủ tịch HĐQT tập đoàn Nhựa Rạng Đông với tầm nhìn quản trị của mình, đón đầu trong Chiến lược Phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, năng lượng tái tạo được xác định là một trong ba lĩnh vực được Chính phủ đặc biệt ưu tiên, ông đã tiên phong lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho toàn bộ các nhà máy Công ty Nhựa Rạng Đông Long An tại khu công nghiệp Tân Đông, huyện Đức Hòa, Long An. Đây là dự án lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á tính tới thời điểm này đối với một DN.

Quả thật, dự án năng lượng mặt trời mà Tập đoàn Rạng Đông (Rạng Đông Holding) đang triển khai cho các nhà máy với tổng công suất điện năng lên đến 4,5MW thì đúng là đang dẫn đầu về quy mô tại Việt Nam và Đông Nam Á. Với công suất này, hệ thống năng lượng mặt trời của Tập đoàn Rạng Đông hoàn toàn có khả năng hòa với mạng lưới điện quốc gia cung cấp nguồn điện cho địa phương. Được biết dự án này sử dụng bộ chuyển đổi điện Inverter từ nhà sản xuất ABB của Ý uy tín nhất thế giới hiện nay; hệ thống tấm pin nhà đầu tư chọn thương hiệu Canadian của Canada. Vì vậy tổng vốn đầu tư của dự án đã lên đến 90 tỉ đồng.

Đây cũng chỉ là một trong các dự án lớn của Tập đoàn Rạng Đông (Rạng Đông Holding), khởi đầu cho hàng loạt dự án đang và sẽ triển khai trong năm 2020 này hướng đến kỷ niệm 60 năm hình thành và phát triển Thương hiệu Nhựa Rạng Đông (1960 – 2020).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát

Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tài chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo mây móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên
Ông Trần Trọng Triệu	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trọng Triệu	Tổng Giám đốc (từ ngày 09/05/2019)
Ông Hồ Đức Lam	Tổng Giám đốc (đến ngày 09/05/2019)
Ông Trần Trọng Triệu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 09/05/2019)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Hồ Đức Lam – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị
Hồ Đức Lam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.251.693.034.078	850.536.625.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.387.950.979	21.972.115.250
1. Tiền	111		38.387.950.979	21.972.115.250
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	17.437.500.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	17.437.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		769.618.467.944	448.896.342.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	650.327.674.185	386.358.887.368
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	82.625.182.876	46.489.620.018
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37.917.904.653	15.222.628.650
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.252.293.770)	(1.252.293.770)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.077.500.533
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	414.510.934.750	327.109.381.992
1. Hàng tồn kho	141		414.510.934.750	327.882.096.389
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(772.714.397)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.175.680.405	35.121.285.256
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	15.536.092.007	11.409.416.797
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.315.122.116	22.782.879.428
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	324.466.282	928.989.031
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.019.929.536.958	921.739.359.045
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.476.855.008	6.654.893.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	13.476.855.008	6.654.893.000
II. Tài sản cố định	220		861.654.777.191	763.663.629.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	627.669.356.569	554.800.188.190
- Nguyên giá	222		1.023.101.723.921	906.011.539.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(395.432.367.352)	(351.211.351.191)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	72.275.263.981	45.436.066.614
- Nguyên giá	225		86.532.046.265	63.777.310.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.256.782.284)	(18.341.243.542)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	161.710.156.641	163.427.375.163
- Nguyên giá	228		176.287.239.587	173.621.177.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.577.082.946)	(10.193.802.060)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		73.922.619.919	129.743.986.567
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	73.922.619.919	129.743.986.567
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	42.615.327.017	4.976.948.993
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		42.614.929.097	4.085.926.752
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		397.920	891.022.241
V. Tài sản dài hạn khác	260		28.259.957.823	16.699.900.518
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	26.987.650.135	14.430.703.467
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	1.272.307.688	2.269.197.051
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.271.622.571.036	1.772.275.984.342

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.618.569.431.214	1.225.793.042.073
I. Nợ ngắn hạn	310		1.133.076.781.527	813.534.100.273
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	263.298.784.664	174.837.713.263
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	24.263.231.674	12.034.194.618
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	20.155.701.718	9.224.713.328
4. Phải trả người lao động	314		14.505.792.775	3.725.877.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13.817.628.638	16.369.604.636
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	41.646.098.216	36.430.408.588
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	755.127.189.364	560.498.233.882
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		262.354.478	413.354.478
II. Nợ dài hạn	330		485.492.649.687	412.258.941.800
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	485.392.760.977	407.189.639.798
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.18	99.888.710	5.069.302.002
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		653.053.139.822	546.482.942.269
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	653.053.139.822	546.732.942.269
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.367.160.000	339.428.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.367.160.000	339.428.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.638.570.000	25.638.570.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.705.099.697	68.705.099.697
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.072.034.981	35.765.976.759
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.827.436.759	12.662.085.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43.244.598.222	23.103.890.829
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		138.358.062.189	75.282.462.858
II. Nguồn kinh phí	430		-	(250.000.000)
1. Nguồn kinh phí	431		-	(250.000.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.271.622.571.036	1.772.275.984.342

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đỗ Minh Luân

Dương Minh Hòa

Hồ Đức Lam

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

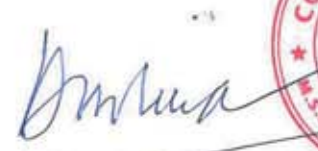
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.002.989.144.053	1.560.702.567.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	11.535.226.126	8.773.381.403
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.991.453.917.927	1.551.929.185.968
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.707.704.413.639	1.412.105.646.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		283.749.504.288	139.823.539.354
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.150.096.070	2.835.539.245
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	86.311.568.363	46.998.340.992
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		85.546.828.186	45.935.268.951
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.978.253.518)	85.926.752
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	39.165.713.693	35.826.247.418
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	75.895.859.044	45.901.298.271
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.548.205.740	14.019.118.670
12. Thu nhập khác	31	VI.9	11.441.480.083	9.776.967.163
13. Chi phí khác	32	VI.10	11.499.052.338	620.227.559
14. Lợi nhuận khác	40		(57.572.255)	9.156.739.604
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.490.633.485	23.175.858.274
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	18.371.002.335	5.751.258.452
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	(3.972.523.929)	5.328.862.051
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.092.155.079	12.095.737.771
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		43.244.598.222	23.103.890.829
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		26.847.556.857	(11.008.153.058)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	1.158	619

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị







Đỗ Minh Luân

Dương Minh Hòa

Hồ Đức Lam

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84.490.633.485	23.175.858.274
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	72.652.199.173	57.293.290.128
- Các khoản dự phòng	03	(772.714.397)	(773.381.640)
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.144.546.777)	(5.128.817.430)
- Chi phí lãi vay	06	85.546.828.186	45.935.268.951
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	230.772.399.670	120.502.218.283
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(296.751.907.036)	(71.920.183.546)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(86.550.882.965)	(85.482.560.906)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	104.337.019.838	167.849.631.456
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(16.477.054.419)	(17.737.405.609)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(82.753.017.823)	(42.666.839.061)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.482.480.344)	(21.650.844.947)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	250.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.495.621.000)	(1.134.951.034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(157.151.544.079)	47.759.064.637
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(131.270.609.992)	(192.743.580.129)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	82.638.112.847	23.295.168.102
3. Tiền chi cho vay	23	-	(17.437.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	17.437.500.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43.393.022.302)	(4.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.143.684.000	635.291.371
7. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	3.021.966.193	511.915.403
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(69.422.369.254)	(189.738.705.253)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu của cổ đông không kiểm soát	31	30.420.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.638.511.397.729	1.238.298.365.424
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.393.857.315.865)	(1.073.833.568.844)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(32.084.332.802)	(11.124.561.171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	242.989.749.062	153.340.235.409
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.415.835.729	11.360.594.793
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.972.115.250	10.611.520.457
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.387.950.979	21.972.115.250

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị







Đỗ Minh Luân

Dương Minh Hòa

Hồ Đức Lam

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số Công ty con tại ngày 31/12/2019 là : 5 công ty.

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	KCN Tân Đố, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	65%	65%
Công ty CP Agriculture Rạng Đông	KCN Tân Đố, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	51%	0%
Công ty CP Trading Rạng Đông	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	51%
Công ty CP Rạng Đông Films	63 Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	99,9%	99,9%
Công ty CP tiếp vận Song Dũng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Vận tải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	51%	51%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2019 là: 4 công ty, các công ty con còn lại không hợp nhất vì các công ty này Công ty chưa góp vốn.

Công ty con được hợp nhất như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn thực góp
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	KCN Tân Đố, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	65%	65%
Công ty CP Trading Rạng Đông	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	51%
Công ty CP Rạng Đông Films	63 Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	99,9%	99,9%
Công ty CP tiếp vận Song Dũng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Vận tải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	51%	51%

Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2019 là : 2 công ty.

Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 2 công ty.

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn thực góp
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Thảo Nguyên	Tầng 9, tòa nhà Capital Tower, số 6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	Bất động sản	50%	50%
Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare	Lô G4-G8, đường số 8 KCN Tân Đố, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu	30%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm/1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC như sau:

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 - 49 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 10 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	765.939.023	2.096.424.866
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.622.011.956	19.875.690.384
Cộng	38.387.950.979	21.972.115.250

2. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	17.437.500.000	17.437.500.000
Cộng	-	-	17.437.500.000	17.437.500.000

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị thuần ghi sổ	Giá gốc	Giá trị thuần ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP tiếp vận Song Dũng	-	-	4.000.000.000	4.085.926.752
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Thảo Nguyên	35.400.000.000	35.430.420.183	-	-
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	9.075.000.000	7.184.508.914	-	-
Cộng	44.475.000.000	42.614.929.097	4.000.000.000	4.085.926.752

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Eximbank	-	-	-	890.624.321	1.813.109.000	-
Công ty CP Gò Vấp (11 cổ phiếu)	397.920	397.920	-	397.920	397.920	-
Cộng	397.920	397.920	-	891.022.241	1.813.506.920	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	158.135.386.984	-
Công ty TNHH Tăng Tốc	270.560.354.598	10.884.390.154
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Khánh Hưng	10.388.367.003	4.455.179.329
Công ty CP Công Nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa	-	19.787.529.300
Phải thu các khách hàng khác	211.243.565.600	351.231.788.585
Cộng	650.327.674.185	386.358.887.368
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	438.144.491.793	10.884.390.154
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	9.448.750.211	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	158.135.386.984	-
Công ty TNHH Tăng Tốc	270.560.354.598	10.884.390.154

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Marubeni Asean Pte, Ltd	11.009.663.850	-
Dongguan Jwell Machinery Co., LTD	10.184.265.000	-
Bobst Mex SA	-	5.520.150.000
Trả trước người bán khác	61.431.254.026	40.969.470.018
Cộng	82.625.182.876	46.489.620.018
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	7.000.000.000	-
Công ty TNHH Tăng Tốc	7.000.000.000	-

5. Phải thu khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	37.917.904.653	15.222.628.650
Tạm ứng	8.715.779.182	7.546.666.369
Ký quỹ, ký cược	8.860.037.956	5.983.928.392
Phải thu Sojitz Pla Net Corporation	17.437.500.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	-	433.505.727
Phải thu khác	2.904.587.515	1.258.528.162
Phải thu dài hạn khác	13.476.855.008	6.654.893.000
Ký cược, ký quỹ	10.843.752.000	6.654.893.000
Phải thu khác	2.633.103.008	-
Cộng	51.394.759.661	21.877.521.650
Phải thu khác là các bên liên quan	272.856.054	-
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	272.856.054	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Đối tượng	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Wujiang Yige Import & Export co., Ltd	847.485.687	-	(847.485.687)	847.485.687	-	(847.485.687)
Các đối tượng khác	404.808.083	-	(404.808.083)	404.808.083	-	(404.808.083)
Cộng	1.252.293.770	-	(1.252.293.770)	1.252.293.770	-	(1.252.293.770)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.742.027.750	-
Nguyên liệu, vật liệu	297.629.898.370	-	239.861.328.437	(562.072.972)
Công cụ, dụng cụ	3.662.865.860	-	3.929.052.249	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.060.127.324	-	22.489.385.390	-
Thành phẩm	67.831.655.887	-	53.709.070.754	(210.641.425)
Hàng hoá	9.326.387.309	-	5.151.231.808	-
Cộng	414.510.934.750	-	327.882.096.389	(772.714.397)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	15.536.092.007	11.409.416.797
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.035.708.944	4.872.430.322
Chi phí bảo hiểm	276.244.726	297.483.750
Chi phí trả trước khác	6.224.138.337	6.239.502.725
Chi phí trả trước dài hạn	26.987.650.135	14.430.703.467
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.719.015.347	7.501.322.552
Chi phí sửa chữa, cải tạo	214.897.425	1.444.112.107
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.053.737.363	5.485.268.808
Cộng	42.523.742.142	25.840.120.264

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	360.812.451.825	472.494.745.950	48.614.188.161	24.090.153.445	906.011.539.381
Số tăng trong năm	32.823.341.938	108.011.156.816	16.084.589.746	10.996.348.429	167.915.436.929
- Mua trong năm	18.175.700.937	14.774.830.788	3.304.265.275	10.155.999.719	46.410.796.719
- Đầu tư XDCB hoàn thành	14.647.641.001	93.236.326.028	5.342.637.198	840.348.710	114.066.952.937
- Tăng khác	-	-	7.437.687.273	-	7.437.687.273
Số giảm trong năm	131.799.418	49.327.199.578	1.366.253.393	-	50.825.252.389
- Thanh lý, nhượng bán	131.799.418	49.327.199.578	1.366.253.393	-	50.825.252.389
Số dư cuối năm	393.503.994.345	531.178.703.188	63.332.524.514	35.086.501.874	1.023.101.723.921
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.037.357.090	282.680.779.598	14.016.077.228	10.477.137.275	351.211.351.191
Số tăng trong năm	15.360.568.688	32.702.044.048	8.446.876.301	3.139.705.303	59.649.194.340
- Khấu hao trong năm	15.360.568.688	32.702.044.048	8.446.876.301	3.139.705.303	59.649.194.340
- Tăng khác	-	-	1.617.575.937	-	1.617.575.937
Số giảm trong năm	131.799.418	14.020.131.052	1.276.247.709	-	15.428.178.179
- Thanh lý, nhượng bán	131.799.418	14.020.131.052	1.276.247.709	-	15.428.178.179
Số dư cuối năm	59.266.126.360	301.362.692.594	21.186.705.820	13.616.842.578	395.432.367.352
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	316.775.094.735	189.813.966.352	34.598.110.933	13.613.016.170	554.800.188.190
Tại ngày cuối năm	334.237.867.985	229.816.010.594	42.145.818.694	21.469.659.296	627.669.356.569

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

19



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Đơn vị tính: VND
	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	63.777.310.156
Số tăng trong năm	41.360.516.525
- Thuê tài chính trong năm	41.360.516.525
Số giảm trong năm	18.605.780.416
- Chuyển nhượng tài sản thuê tài chính	18.605.780.416
Số dư cuối năm	86.532.046.265
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	18.341.243.542
Khấu hao trong năm	10.237.299.884
Số giảm trong năm	14.321.761.142
- Chuyển nhượng tài sản thuê tài chính	14.321.761.142
Số dư cuối năm	14.256.782.284
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	45.436.066.614
Tại ngày cuối năm	72.275.263.981

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Hệ thống quản lý, hệ thống iso	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	169.691.963.643	3.402.000.000	527.213.580	173.621.177.223
Số tăng trong năm	2.232.712.364	433.350.000	-	2.666.062.364
- Mua trong năm	2.232.712.364	433.350.000	-	2.666.062.364
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	171.924.676.007	3.835.350.000	527.213.580	176.287.239.587
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	9.666.588.480	-	527.213.580	10.193.802.060
Khấu hao trong năm	4.084.255.886	299.025.000	-	4.383.280.886
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.750.844.366	299.025.000	527.213.580	14.577.082.946
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	160.025.375.163	3.402.000.000	-	163.427.375.163
Tại ngày cuối năm	158.173.831.641	3.536.325.000	-	161.710.156.641

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay	138.567.166.016	139.943.058.542

20

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	59.473.241.232	73.791.114.605
- Mua 02 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400	3.701.254.400
- Xây dựng tại nhà máy KCN Tân Đô - Long An	31.744.190.751	67.250.182.156
- Máy cán màng PE W4300	16.042.320.849	-
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	7.985.475.232	2.839.678.049
Mua sắm tài sản cố định	14.449.378.687	55.952.871.962
Cộng	73.922.619.919	129.743.986.567

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
ITOCHU Chemicals America Inc	4.411.070.139	13.360.480.152
Công ty CP xây lắp thương mại Chánh Phúc	5.587.898.754	25.097.895.570
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	26.497.443.480	-
Phải trả người bán khác (*)	226.802.372.291	136.379.337.541
Cộng	263.298.784.664	174.837.713.263

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh

(*) Không có phải trả người bán nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Người mua trong nước	20.496.226.292	9.524.178.800
Người mua nước ngoài	3.767.005.382	2.510.015.818
Cộng	24.263.231.674	12.034.194.618

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế phải nộp	9.224.713.328	214.782.410.419	203.851.422.029	20.155.701.718
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.703.086.154	152.210.020.762	155.698.508.109	214.598.807
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	34.988.273.014	34.988.273.014	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.293.128.672	17.613.598.586	5.481.936.868	17.424.790.390
Thuế thu nhập cá nhân	17.257.382	813.595.865	829.926.382	926.865
Thuế tài nguyên	-	49.920	49.920	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	211.241.120	6.719.706.938	6.834.727.736	96.220.322
Các loại thuế khác	-	18.000.000	18.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế phải thu	928.989.031	2.996.378.675	2.391.855.926	324.466.282
Thuế nhập khẩu	171.585.281	2.238.974.925	2.391.312.450	323.922.806
Thuế thu nhập doanh nghiệp	757.403.750	757.403.750	543.476	543.476

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay phải trả	9.704.155.544	6.910.345.181
Chi phí phải trả khác	4.113.473.094	9.459.259.455
Cộng	13.817.628.638	16.369.604.636

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	605.374.170	426.297.946
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	719.278.292	27.296.483
Cổ tức phải trả	125.025.324	125.025.324
Công ty TNHH đầu tư và Kinh doanh BĐS Thảo Nguyên (là bên liên quan)	6.169.202.192	-
Phải trả ông Nguyễn Minh Quang	10.000.000.000	-
Phải trả ông Ngô Đình Hân	9.150.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	-	30.000.000
Phải trả khác	14.877.218.238	35.821.788.835
Cộng	41.646.098.216	36.430.408.588

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.272.307.688	2.269.197.051
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.272.307.688	2.269.197.051
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	99.888.710	5.069.302.002
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	99.888.710	5.069.302.002

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	282.860.760.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	69.229.945.930	86.316.401.860	534.662.990.442
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.567.860.000				(56.567.860.000)		
Lãi/(lỗ) trong năm trước					23.103.890.829	(11.033.939.002)	12.069.951.827
Số dư cuối năm trước	339.428.620.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	35.765.976.759	75.282.462.858	546.732.942.269
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	33.938.540.000				(33.938.540.000)		
Lãi trong năm nay					43.244.598.222	26.847.556.857	70.092.155.079
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát						36.420.000.000	36.420.000.000
Biến động khác						(191.957.526)	(191.957.526)
Số dư cuối năm nay	373.367.160.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	45.072.034.981	138.358.062.189	653.053.139.822

Đơn vị tính: VND

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	373.367.160.000	100	339.428.620.000	100
Cộng	373.367.160.000	100	339.428.620.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	339.428.620.000	282.860.760.000
Vốn góp tăng trong năm	33.938.540.000	56.567.860.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	373.367.160.000	339.428.620.000
Cổ tức đã chia	33.938.540.000	56.567.860.000
- Bằng cổ phiếu	33.938.540.000	56.567.860.000
- Bằng tiền	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.336.716	33.942.862
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.336.716	33.942.862
- Cổ phiếu phổ thông	37.336.716	33.942.862
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.336.716	33.942.862
- Cổ phiếu phổ thông	37.336.716	33.942.862

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Đơn vị tính	31/12/2019	01/01/2019
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	-	3.169.661.965
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	1.838.013.214	1.838.013.214
Ngoại tệ các loại			
Trong đó: - Đô la Mỹ	USD	9.535,17	102.237,53
- Euro	EUR	295,62	295,62

26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	921.062.741.552	804.398.452.741
Doanh thu bán hàng hóa	1.075.114.608.199	717.434.900.517
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.811.794.302	38.869.214.113
Cộng	2.002.989.144.053	1.560.702.567.371

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	4.055.950.907	2.355.153.451
Giảm giá hàng bán	101.358.508	1.734.520.976
Hàng bán bị trả lại	7.377.916.711	4.683.706.976
Cộng	11.535.226.126	8.773.381.403

3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.991.453.917.927	1.551.929.185.968
Cộng	1.991.453.917.927	1.551.929.185.968
Doanh thu thuần với các bên liên quan	1.081.958.963.199	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	283.671.926.998	-
Công ty TNHH Tăng Tốc	785.571.126.763	-
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	12.715.909.438	-

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	750.876.590.664	719.437.147.147
Giá vốn của hàng hoá đã bán	952.216.748.197	688.465.892.609
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.611.074.778	4.202.606.858
Cộng	1.707.704.413.639	1.412.105.646.614

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.508.460.466	945.421.130
Lãi bán các khoản đầu tư	1.253.059.679	339.917.092
Lãi chênh lệch tỷ giá	388.575.925	1.550.201.023
Cộng	4.150.096.070	2.835.539.245

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	85.546.828.186	45.935.268.951
Lỗ chênh lệch tỷ giá	264.830.545	889.651.215
Chi phí tài chính khác	499.909.632	173.420.826
Cộng	86.311.568.363	46.998.340.992

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	13.560.933.061	12.297.031.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.278.457.669	602.578.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.884.966.339	19.391.651.659
Chi phí bán hàng khác	2.441.356.624	3.534.985.922
Cộng	39.165.713.693	35.826.247.418

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	32.517.785.739	17.758.363.450
Chi phí dụng cụ, vật tư quản lý	3.539.438.561	2.053.899.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.266.474.362	7.387.792.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.249.904.839	10.495.749.544
Chi phí bằng tiền khác	14.322.255.543	8.205.493.060
Cộng	75.895.859.044	45.901.298.271

9. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	9.436.596.094	3.757.552.456
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	135.825.000	1.466.804
Thu nhập khác	1.869.058.989	6.017.947.903
Cộng	11.441.480.083	9.776.967.163

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản nộp phạt	11.185.314.828	611.668.552
Chi phí khác	313.737.510	8.559.007
Cộng	11.499.052.338	620.227.559

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	18.371.002.335	5.751.258.452
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hiện hành của các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.371.002.335	5.751.258.452

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	99.888.710	4.620.102.200
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	465.529.727	708.759.851
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(4.537.942.366)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.972.523.929)	5.328.862.051

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	43.244.598.222	23.103.890.829
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông công ty mẹ	43.244.598.222	23.103.890.829
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	37.336.716	37.336.716
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.158	619

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do trong năm Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.035.536.023.804	754.909.912.093
Chi phí nhân công	128.499.719.385	94.826.253.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.652.199.173	57.293.290.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.249.752.754	49.778.429.024
Chi phí khác bằng tiền	17.146.572.844	21.748.519.185
Cộng	1.313.084.267.960	978.556.404.235

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản bằng nợ thuê tài chính	56.679.224.591	22.444.184.912
Tăng vốn bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	33.938.540.000	56.567.860.000

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	1.638.511.397.729	1.238.298.365.424

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.425.941.648.667	1.084.958.130.015

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh ở trên, Công ty phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	Bên liên quan	Mua hàng	465.026.804.905
Công ty TNHH Tăng Tốc	Bên liên quan	Mua hàng	216.006.938.640

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, thù lao và các khoản phúc lợi khác	3.714.106.567	3.917.882.853

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.387.950.979	21.972.115.250	38.387.950.979	21.972.115.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	691.754.360.894	399.437.448.879	691.754.360.894	399.437.448.879
Đầu tư tài chính	397.920	891.022.241	397.920	1.813.506.920
Cộng	730.142.709.793	422.300.586.370	730.142.709.793	423.223.071.049
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	1.240.519.950.341	967.687.873.680	1.240.519.950.341	967.687.873.680
Phải trả người bán	263.298.784.664	174.837.713.263	263.298.784.664	174.837.713.263
Chi phí phải trả	13.817.628.638	16.369.604.636	13.817.628.638	16.369.604.636
Phải trả khác	40.321.445.754	35.976.814.159	40.321.445.754	35.976.814.159
Cộng	1.557.957.809.397	1.194.872.005.738	1.557.957.809.397	1.194.872.005.738

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh gần xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, đầu tư góp vốn dài hạn khác do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được trình bày bằng giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đang có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2019 và vào ngày 31/12/2018 (xem thuyết minh V.9, V.11, V.19). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2019 và vào ngày 31/12/2018.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Hội đồng Quản trị cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối năm	1.072.565.048.420	485.392.760.977	1.557.957.809.397
Các khoản vay	755.127.189.364	485.392.760.977	1.240.519.950.341
Phải trả người bán	263.298.784.664	-	263.298.784.664
Chi phí phải trả	13.817.628.638	-	13.817.628.638
Phải trả khác	40.321.445.754	-	40.321.445.754
Số đầu năm	787.682.365.940	407.189.639.798	1.194.872.005.738
Các khoản vay	560.498.233.882	407.189.639.798	967.687.873.680
Phải trả người bán	174.837.713.263	-	174.837.713.263
Chi phí phải trả	16.369.604.636	-	16.369.604.636
Phải trả khác	35.976.814.159	-	35.976.814.159

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Minh Luân

Dương Minh Hòa

Hồ Đức Lam

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Rạng đông® HOLDINGS

Trụ sở : 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84-28) 3969 2272

Fax : (84-28) 3969 2843

Website : www.rangdongholding.com.vn

Facebook : www.facebook.com/rdplastic

Tax : 0300384357

